



# Hướng dẫn hiệu chỉnh liều kháng sinh, kháng nấm, kháng virus trên bệnh nhân người lớn suy giảm chức năng thận

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																																																																																								
Acyclovir	<p><b>- Đường uống:</b></p> <p>+ Đối với BN suy giảm chức năng thận:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Liều thông thường</th> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="2">200mg/4h, 5 lần/ngày</td> <td>&gt; 10</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>0 - 10</td> <td>200mg/12h</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">400mg/12h</td> <td>&gt; 10</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>0 - 10</td> <td>200mg/12h</td> </tr> <tr> <td rowspan="3">800mg/4h 5 lần/ngày</td> <td>&gt; 25</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>10 - 25</td> <td>800mg/8h</td> </tr> <tr> <td>0 - 10</td> <td>800mg/12h</td> </tr> </tbody> </table> <p>+ Đối với BN nhiễm HIV:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 80</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>50 - 80</td> <td>200-800mg/6-8h</td> </tr> <tr> <td>25 - 50</td> <td>200-800mg/8-12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 25</td> <td>200-800mg/12-24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>200-400mg/24h</td> </tr> </tbody> </table> <p>+ HD: Bổ sung 1 liều sau lọc.</p> <p>+ CAPD: Không phải bổ sung.</p> <p><b>- Đường tiêm:</b></p> <p>+ Đối với BN suy giảm chức năng thận:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng/liều thông thường</th> <th>Khoảng đưa liều (giờ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>100%</td> <td>8</td> </tr> <tr> <td>25 - 50</td> <td>100%</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>10 - 25</td> <td>100%</td> <td>24</td> </tr> <tr> <td>0 - 10</td> <td>50%</td> <td>24</td> </tr> </tbody> </table>	Liều thông thường	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	200mg/4h, 5 lần/ngày	> 10	Không phải chỉnh liều	0 - 10	200mg/12h	400mg/12h	> 10	Không phải chỉnh liều	0 - 10	200mg/12h	800mg/4h 5 lần/ngày	> 25	Không phải chỉnh liều	10 - 25	800mg/8h	0 - 10	800mg/12h	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 80	Không phải chỉnh liều	50 - 80	200-800mg/6-8h	25 - 50	200-800mg/8-12h	10 - 25	200-800mg/12-24h	< 10	200-400mg/24h	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	Khoảng đưa liều (giờ)	> 50	100%	8	25 - 50	100%	12	10 - 25	100%	24	0 - 10	50%	24	<p><b>- Đường uống:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 25</td> <td>Không phải chỉnh liều: 800mg/4h (5 lần/ngày)</td> </tr> <tr> <td>10 - 25</td> <td>800mg/8h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>800mg/12h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>800mg/12h (thêm liều sau lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>800mg/12h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>ND</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>- Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>Không phải chỉnh liều: 5-12,5mg/kg/8h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>5-12,5mg/kg/12-24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>2,5-6,25mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>2,5-6,25mg/kg/24h (sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>2,5-6,25mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>2,5-6,25mg/kg/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 25	Không phải chỉnh liều: 800mg/4h (5 lần/ngày)	10 - 25	800mg/8h	< 10	800mg/12h	HD	800mg/12h (thêm liều sau lọc)	CAPD	800mg/12h	CRRT	ND	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều: 5-12,5mg/kg/8h	10 - 50	5-12,5mg/kg/12-24h	< 10	2,5-6,25mg/kg/24h	HD	2,5-6,25mg/kg/24h (sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	2,5-6,25mg/kg/24h	CRRT	2,5-6,25mg/kg/24h	<p><b>- Đường uống:</b></p> <p>+ Điều trị <i>Herpes simplex</i> (HSV) ở da và niêm mạc:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 10</td> <td>0,4g/12h hoặc 0,2g/4h (5 lần/ngày)</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,2g/12h</td> </tr> </tbody> </table> <p>+ Điều trị <i>Varicella Zoster</i> (VZV), <i>Herpes Zoster</i> (tối đa 4g/ngày):</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 25</td> <td>0,8g/4h (5 lần/ngày)</td> </tr> <tr> <td>10 - 25</td> <td>0,8g/8h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,8g/12h</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>- Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>5 - 12,5mg/kg/8h</td> </tr> <tr> <td>10-50</td> <td>5 - 12,5mg/kg/12-24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>2,5 - 6,25mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td rowspan="3">5 - 10mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>2,5-6,25mg/kg/24h (sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 10	0,4g/12h hoặc 0,2g/4h (5 lần/ngày)	< 10	0,2g/12h	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 25	0,8g/4h (5 lần/ngày)	10 - 25	0,8g/8h	< 10	0,8g/12h	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	5 - 12,5mg/kg/8h	10-50	5 - 12,5mg/kg/12-24h	< 10	2,5 - 6,25mg/kg/24h	CVVH	5 - 10mg/kg/24h	CVVHD	CVVHDF	HD	2,5-6,25mg/kg/24h (sau lọc vào ngày lọc)	<p><b>- Đường uống:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Liều thông thường</th> <th>ClCr (ml/ph/1.73m<sup>2</sup>)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="2">200mg/4h, 5 lần/ngày</td> <td>&gt; 10</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>0 - 10</td> <td>200mg/12h</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">400mg/12h</td> <td>&gt; 10</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>0 - 10</td> <td>200mg/12h</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">800mg/4h</td> <td>10 - 25</td> <td>800mg/8h</td> </tr> <tr> <td>0 - 10</td> <td>800mg/12h</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>- Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng/liều thông thường</th> <th>Khoảng cách (giờ)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>100%</td> <td>8</td> </tr> <tr> <td>25 - 50</td> <td>100%</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>10 - 25</td> <td>100%</td> <td>24</td> </tr> <tr> <td>0 - 10</td> <td>50%</td> <td>24</td> </tr> </tbody> </table> <p>+ HD: bổ sung 1 liều sau lọc.</p> <p>+ PD: không cần liều bổ sung sau khi đã chỉnh liều.</p>	Liều thông thường	ClCr (ml/ph/1.73m <sup>2</sup> )	Liều dùng	200mg/4h, 5 lần/ngày	> 10	Không phải chỉnh liều	0 - 10	200mg/12h	400mg/12h	> 10	Không phải chỉnh liều	0 - 10	200mg/12h	800mg/4h	10 - 25	800mg/8h	0 - 10	800mg/12h	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	Khoảng cách (giờ)	> 50	100%	8	25 - 50	100%	12	10 - 25	100%	24	0 - 10	50%	24
Liều thông thường	ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																																										
200mg/4h, 5 lần/ngày	> 10	Không phải chỉnh liều																																																																																																																																										
	0 - 10	200mg/12h																																																																																																																																										
400mg/12h	> 10	Không phải chỉnh liều																																																																																																																																										
	0 - 10	200mg/12h																																																																																																																																										
800mg/4h 5 lần/ngày	> 25	Không phải chỉnh liều																																																																																																																																										
	10 - 25	800mg/8h																																																																																																																																										
	0 - 10	800mg/12h																																																																																																																																										
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																																											
> 80	Không phải chỉnh liều																																																																																																																																											
50 - 80	200-800mg/6-8h																																																																																																																																											
25 - 50	200-800mg/8-12h																																																																																																																																											
10 - 25	200-800mg/12-24h																																																																																																																																											
< 10	200-400mg/24h																																																																																																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	Khoảng đưa liều (giờ)																																																																																																																																										
> 50	100%	8																																																																																																																																										
25 - 50	100%	12																																																																																																																																										
10 - 25	100%	24																																																																																																																																										
0 - 10	50%	24																																																																																																																																										
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																																											
> 25	Không phải chỉnh liều: 800mg/4h (5 lần/ngày)																																																																																																																																											
10 - 25	800mg/8h																																																																																																																																											
< 10	800mg/12h																																																																																																																																											
HD	800mg/12h (thêm liều sau lọc)																																																																																																																																											
CAPD	800mg/12h																																																																																																																																											
CRRT	ND																																																																																																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																																											
> 50	Không phải chỉnh liều: 5-12,5mg/kg/8h																																																																																																																																											
10 - 50	5-12,5mg/kg/12-24h																																																																																																																																											
< 10	2,5-6,25mg/kg/24h																																																																																																																																											
HD	2,5-6,25mg/kg/24h (sau lọc vào ngày lọc)																																																																																																																																											
CAPD	2,5-6,25mg/kg/24h																																																																																																																																											
CRRT	2,5-6,25mg/kg/24h																																																																																																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																																											
≥ 10	0,4g/12h hoặc 0,2g/4h (5 lần/ngày)																																																																																																																																											
< 10	0,2g/12h																																																																																																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																																											
> 25	0,8g/4h (5 lần/ngày)																																																																																																																																											
10 - 25	0,8g/8h																																																																																																																																											
< 10	0,8g/12h																																																																																																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																																											
> 50	5 - 12,5mg/kg/8h																																																																																																																																											
10-50	5 - 12,5mg/kg/12-24h																																																																																																																																											
< 10	2,5 - 6,25mg/kg/24h																																																																																																																																											
CVVH	5 - 10mg/kg/24h																																																																																																																																											
CVVHD																																																																																																																																												
CVVHDF																																																																																																																																												
HD	2,5-6,25mg/kg/24h (sau lọc vào ngày lọc)																																																																																																																																											
Liều thông thường	ClCr (ml/ph/1.73m <sup>2</sup> )	Liều dùng																																																																																																																																										
200mg/4h, 5 lần/ngày	> 10	Không phải chỉnh liều																																																																																																																																										
	0 - 10	200mg/12h																																																																																																																																										
400mg/12h	> 10	Không phải chỉnh liều																																																																																																																																										
	0 - 10	200mg/12h																																																																																																																																										
800mg/4h	10 - 25	800mg/8h																																																																																																																																										
	0 - 10	800mg/12h																																																																																																																																										
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	Khoảng cách (giờ)																																																																																																																																										
> 50	100%	8																																																																																																																																										
25 - 50	100%	12																																																																																																																																										
10 - 25	100%	24																																																																																																																																										
0 - 10	50%	24																																																																																																																																										

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																															
	<p>+ Đối với BN nhiễm HIV:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>5mg/kg/12 - 24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>2,5mg/kg/24h</td> </tr> </tbody> </table> <p>+ HD: Bổ sung 1 liều sau lọc.</p> <p>+ CAPD: Không phải bổ sung.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều	10 - 50	5mg/kg/12 - 24h	< 10	2,5mg/kg/24h																																																										
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																		
> 50	Không phải chỉnh liều																																																																		
10 - 50	5mg/kg/12 - 24h																																																																		
< 10	2,5mg/kg/24h																																																																		
Amikacin	<p><b>Cách 1:</b> Giữ nguyên liều thông thường, kéo dài khoảng cách đưa liều.</p> <p>Dùng liều 7,5mg/kg/lần, khoảng đưa liều được tính bằng SCr (mg/100ml) nhân với 9.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>SCr (mg/100ml)</th> <th>Khoảng cách đưa liều (h)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1,5</td> <td>13,5</td> </tr> <tr> <td>2,0</td> <td>18,0</td> </tr> <tr> <td>2,5</td> <td>22,5</td> </tr> <tr> <td>3,0</td> <td>27,0</td> </tr> <tr> <td>3,5</td> <td>31,5</td> </tr> <tr> <td>4,0</td> <td>36,0</td> </tr> <tr> <td>4,5</td> <td>40,5</td> </tr> <tr> <td>5,0</td> <td>45,0</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Cách 2:</b> Giảm liều và giữ nguyên khoảng cách đưa liều (12h).</p> <p>LD: 7,5mg/kg</p> <p>MD = <math>\frac{ClCr BN suy thận}{ClCr bình thường} \times LD</math> dùng mỗi 12h.</p>	SCr (mg/100ml)	Khoảng cách đưa liều (h)	1,5	13,5	2,0	18,0	2,5	22,5	3,0	27,0	3,5	31,5	4,0	36,0	4,5	40,5	5,0	45,0	<p><b>Gram (-):</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>7,5mg/kg/12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>7,5mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>7,5mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>NTM (Nontuberculous Mycobacteria):</b></p> <p>TDM để hiệu chỉnh liều, với mục tiêu:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Đỉnh (μg/ml)</th> <th>Đáy (μg/ml)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>35-45 (15mg/kg) 65-80 (25mg/kg)</td> <td>&lt; 1</td> </tr> </tbody> </table> <p>- CRRT: 25mg/kg/48h truyền kéo dài. Khuyến cáo TDM.</p> <p>- CAPD (chỉ cho viêm phúc mạc): 2mg/kg/24h, IP.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	7,5mg/kg/12h	10 - 50	7,5mg/kg/24h	< 10	7,5mg/kg/48h	HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc	Đỉnh (μg/ml)	Đáy (μg/ml)	35-45 (15mg/kg) 65-80 (25mg/kg)	< 1	<p><b>Nếu TDM:</b> ClCr &lt; 40 ml/ph: LD 15 - 20mg/kg, liều tiếp theo sử dụng theo kết quả định lượng.</p> <p><b>Nếu không TDM:</b> liều dùng theo ClCr:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 80</td> <td>20mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>60-79</td> <td>15-20mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>40-59</td> <td>15-20mg/kg/36h</td> </tr> <tr> <td>30-39</td> <td>15mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>20-29</td> <td>12mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>10-19</td> <td>10mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>7,5mg/kg/48h</td> </tr> </tbody> </table> <p>- CVVH, CVVHDF:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lọc máu</th> <th>Liều thấp</th> <th>Liều cao</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>HD</td> <td>7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc</td> <td></td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td>LD: 10mg/kg; MD: 7,5mg/kg /24 - 48h</td> <td>25-30mg /kg/48h</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td></td> <td>25-30mg /kg</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Với chế độ liều cao, cần TDM để xác định khoảng liều.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 80	20mg/kg/24h	60-79	15-20mg/kg/24h	40-59	15-20mg/kg/36h	30-39	15mg/kg/48h	20-29	12mg/kg/48h	10-19	10mg/kg/48h	< 10	7,5mg/kg/48h	Lọc máu	Liều thấp	Liều cao	HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc		CVVH	LD: 10mg/kg; MD: 7,5mg/kg /24 - 48h	25-30mg /kg/48h	CVVHDF		25-30mg /kg	CVVHD			<p><b>Cách 1:</b> Giữ nguyên liều thông thường, kéo dài khoảng cách đưa liều.</p> <p>Dùng liều 7,5mg/kg, khoảng đưa liều có thể được tính bằng cách nhân SCr với 9.</p> <p><b>Cách 2:</b> Giảm liều và giữ nguyên khoảng cách đưa liều (12h).</p> <p>LD: 7,5mg/kg</p> <p>MD = <math>\frac{ClCr BN suy thận}{ClCr bình thường} \times LD</math> dùng mỗi 12h.</p>
SCr (mg/100ml)	Khoảng cách đưa liều (h)																																																																		
1,5	13,5																																																																		
2,0	18,0																																																																		
2,5	22,5																																																																		
3,0	27,0																																																																		
3,5	31,5																																																																		
4,0	36,0																																																																		
4,5	40,5																																																																		
5,0	45,0																																																																		
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																		
> 50	7,5mg/kg/12h																																																																		
10 - 50	7,5mg/kg/24h																																																																		
< 10	7,5mg/kg/48h																																																																		
HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc																																																																		
Đỉnh (μg/ml)	Đáy (μg/ml)																																																																		
35-45 (15mg/kg) 65-80 (25mg/kg)	< 1																																																																		
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																		
≥ 80	20mg/kg/24h																																																																		
60-79	15-20mg/kg/24h																																																																		
40-59	15-20mg/kg/36h																																																																		
30-39	15mg/kg/48h																																																																		
20-29	12mg/kg/48h																																																																		
10-19	10mg/kg/48h																																																																		
< 10	7,5mg/kg/48h																																																																		
Lọc máu	Liều thấp	Liều cao																																																																	
HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc																																																																		
CVVH	LD: 10mg/kg; MD: 7,5mg/kg /24 - 48h	25-30mg /kg/48h																																																																	
CVVHDF		25-30mg /kg																																																																	
CVVHD																																																																			

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																												
Amoxicillin	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Đường uống</th> <th>Đường tiêm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 30</td> <td colspan="2">Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>10 - 30</td> <td>250 - 500mg/12h</td> <td>IM: 500mg/12h; IV: 1000mg, sau đó 500 - 1000mg/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>250 - 500mg/24h</td> <td>IM: 500mg/24h; IV: 1000mg, sau đó 500 - 1000mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>250 - 500mg/24h Thêm 1 liều trong và sau mỗi lần lọc máu</td> <td>IM: 500mg/24h, bổ sung thêm 1 liều 500mg trong và sau lọc; IV: 1g sau thảm tách, sau đó 500mg/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Đường uống	Đường tiêm	> 30	Không phải chỉnh liều		10 - 30	250 - 500mg/12h	IM: 500mg/12h; IV: 1000mg, sau đó 500 - 1000mg/12h	< 10	250 - 500mg/24h	IM: 500mg/24h; IV: 1000mg, sau đó 500 - 1000mg/24h	HD	250 - 500mg/24h Thêm 1 liều trong và sau mỗi lần lọc máu	IM: 500mg/24h, bổ sung thêm 1 liều 500mg trong và sau lọc; IV: 1g sau thảm tách, sau đó 500mg/24h	<p><b>Đường tiêm: ND</b></p> <p><b>Đường uống:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 30</td> <td>500mg/8h hoặc 875mg/12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 30</td> <td>250 - 500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>250 - 500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>250 - 500mg/24h (bổ sung thêm liều sau lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>250 - 500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>250 - 500mg/8-12h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 30	500mg/8h hoặc 875mg/12h	10 - 30	250 - 500mg/12h	< 10	250 - 500mg/24h	HD	250 - 500mg/24h (bổ sung thêm liều sau lọc)	CAPD	250 - 500mg/12h	CRRT	250 - 500mg/8-12h	ND	<p><b>Đường tiêm: ND</b></p> <p><b>Đường uống:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 30</td> <td>250 - 500mg/8-12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 30</td> <td>250 - 500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>250 - 500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>250 - 500mg/24h (bổ sung thêm liều trong và sau lọc)</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 30	250 - 500mg/8-12h	10 - 30	250 - 500mg/12h	< 10	250 - 500mg/24h	HD	250 - 500mg/24h (bổ sung thêm liều trong và sau lọc)					
ClCr (ml/ph)	Đường uống	Đường tiêm																																														
> 30	Không phải chỉnh liều																																															
10 - 30	250 - 500mg/12h	IM: 500mg/12h; IV: 1000mg, sau đó 500 - 1000mg/12h																																														
< 10	250 - 500mg/24h	IM: 500mg/24h; IV: 1000mg, sau đó 500 - 1000mg/24h																																														
HD	250 - 500mg/24h Thêm 1 liều trong và sau mỗi lần lọc máu	IM: 500mg/24h, bổ sung thêm 1 liều 500mg trong và sau lọc; IV: 1g sau thảm tách, sau đó 500mg/24h																																														
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 30	500mg/8h hoặc 875mg/12h																																															
10 - 30	250 - 500mg/12h																																															
< 10	250 - 500mg/24h																																															
HD	250 - 500mg/24h (bổ sung thêm liều sau lọc)																																															
CAPD	250 - 500mg/12h																																															
CRRT	250 - 500mg/8-12h																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 30	250 - 500mg/8-12h																																															
10 - 30	250 - 500mg/12h																																															
< 10	250 - 500mg/24h																																															
HD	250 - 500mg/24h (bổ sung thêm liều trong và sau lọc)																																															
Amoxicilin + acid clavulanic	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Đường uống</th> <th>Đường tiêm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 30</td> <td colspan="2">Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>10-30</td> <td>250/125mg-500/125mg mỗi 12h</td> <td>1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>250/125mg-500/125mg mỗi 24h</td> <td>1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>250/125mg-500/125mg mỗi 24h, bổ sung thêm một liều trong và sau lọc</td> <td>1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 24h, bổ sung 500/100mg sau lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Đường uống	Đường tiêm	> 30	Không phải chỉnh liều		10-30	250/125mg-500/125mg mỗi 12h	1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 12h	< 10	250/125mg-500/125mg mỗi 24h	1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 24h	HD	250/125mg-500/125mg mỗi 24h, bổ sung thêm một liều trong và sau lọc	1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 24h, bổ sung 500/100mg sau lọc	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Đường uống (tỉ lệ 4:1)</th> <th>Đường tiêm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 30</td> <td colspan="2">Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>10 - 30</td> <td>250-500mg /12h</td> <td>1g, sau đó 500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>250-500mg /24h</td> <td>1g, sau đó 500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>250-500mg /24h, bổ sung thêm một liều sau lọc</td> <td>1g, sau đó 500mg/24h, bổ sung thêm một liều sau lọc</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>ND</td> <td></td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>ND</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p><i>Liều dùng được tính theo amoxicilin</i></p>	ClCr (ml/ph)	Đường uống (tỉ lệ 4:1)	Đường tiêm	> 30	Không phải chỉnh liều		10 - 30	250-500mg /12h	1g, sau đó 500mg/12h	< 10	250-500mg /24h	1g, sau đó 500mg/24h	HD	250-500mg /24h, bổ sung thêm một liều sau lọc	1g, sau đó 500mg/24h, bổ sung thêm một liều sau lọc	CAPD	ND		CRRT	ND		<p><b>Đường uống:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 30</td> <td>500/125mg mỗi 8h hoặc 875/125mg mỗi 12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 30</td> <td>0,25-0,5g/12h (tính theo amoxicilin)</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,25-0,5g/24h (tính theo amoxicilin)</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Đường tiêm: ND</b></p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 30	500/125mg mỗi 8h hoặc 875/125mg mỗi 12h	10 - 30	0,25-0,5g/12h (tính theo amoxicilin)	< 10	0,25-0,5g/24h (tính theo amoxicilin)	ND
ClCr (ml/ph)	Đường uống	Đường tiêm																																														
> 30	Không phải chỉnh liều																																															
10-30	250/125mg-500/125mg mỗi 12h	1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 12h																																														
< 10	250/125mg-500/125mg mỗi 24h	1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 24h																																														
HD	250/125mg-500/125mg mỗi 24h, bổ sung thêm một liều trong và sau lọc	1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 24h, bổ sung 500/100mg sau lọc																																														
ClCr (ml/ph)	Đường uống (tỉ lệ 4:1)	Đường tiêm																																														
> 30	Không phải chỉnh liều																																															
10 - 30	250-500mg /12h	1g, sau đó 500mg/12h																																														
< 10	250-500mg /24h	1g, sau đó 500mg/24h																																														
HD	250-500mg /24h, bổ sung thêm một liều sau lọc	1g, sau đó 500mg/24h, bổ sung thêm một liều sau lọc																																														
CAPD	ND																																															
CRRT	ND																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 30	500/125mg mỗi 8h hoặc 875/125mg mỗi 12h																																															
10 - 30	0,25-0,5g/12h (tính theo amoxicilin)																																															
< 10	0,25-0,5g/24h (tính theo amoxicilin)																																															
Ampicilin + sulbactam	<p><b>- Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>1,5-3g/6-8h</td> </tr> <tr> <td>15 - 29</td> <td>1,5-3g/12h</td> </tr> <tr> <td>5 - 14</td> <td>1,5-3g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>1,5-3g/lần/24h, tốt nhất là ngay sau khi lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	1,5-3g/6-8h	15 - 29	1,5-3g/12h	5 - 14	1,5-3g/24h	HD	1,5-3g/lần/24h, tốt nhất là ngay sau khi lọc	<p><b>- Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>1,5-3g/6h</td> </tr> <tr> <td>15 - 29</td> <td>1,5-3g/12h</td> </tr> <tr> <td>5 - 14</td> <td>1,5-3g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>1,5-3g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	1,5-3g/6h	15 - 29	1,5-3g/12h	5 - 14	1,5-3g/24h	HD	1,5-3g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	<p><b>- Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>1,5-3g/6h</td> </tr> <tr> <td>15 - 29</td> <td>1,5-3g/12h</td> </tr> <tr> <td>5 - 14</td> <td>1,5-3g/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 5, không lọc máu</td> <td>ND</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	1,5-3g/6h	15 - 29	1,5-3g/12h	5 - 14	1,5-3g/24h	< 5, không lọc máu	ND	<p><b>- Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>1,5-3g/6-8h</td> </tr> <tr> <td>15 - 29</td> <td>1,5-3g/12h</td> </tr> <tr> <td>5 - 14</td> <td>1,5-3g/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	1,5-3g/6-8h	15 - 29	1,5-3g/12h	5 - 14	1,5-3g/24h						
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	1,5-3g/6-8h																																															
15 - 29	1,5-3g/12h																																															
5 - 14	1,5-3g/24h																																															
HD	1,5-3g/lần/24h, tốt nhất là ngay sau khi lọc																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	1,5-3g/6h																																															
15 - 29	1,5-3g/12h																																															
5 - 14	1,5-3g/24h																																															
HD	1,5-3g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	1,5-3g/6h																																															
15 - 29	1,5-3g/12h																																															
5 - 14	1,5-3g/24h																																															
< 5, không lọc máu	ND																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	1,5-3g/6-8h																																															
15 - 29	1,5-3g/12h																																															
5 - 14	1,5-3g/24h																																															

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																										
		<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CAPD</td> <td>3g/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>1,5-3g/8-12h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	CAPD	3g/24h	CRRT	1,5-3g/8-12h																						
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																													
CAPD	3g/24h																													
CRRT	1,5-3g/8-12h																													
Anidulafungin	ND	Không phải chỉnh liều (50 - 100mg/24h).	ND	Không phải chỉnh liều.																										
Azithromycin	- ClCr 10 - 80ml/ph: Không phải chỉnh liều. - ClCr < 10ml/ph: Thận trọng. - HD, CAPD, CRRT: Không phải chỉnh liều.	Không phải chỉnh liều (250 - 500mg/24h).	Không phải chỉnh liều (LD: 0,5g; MD: 0,25g hoặc 0,5g mỗi 24h).	Không phải chỉnh liều.																										
Caspofungin	ND	Không phải chỉnh liều (LD: 70mg (trong 1h); MD: 50mg/24h (trong 1h)).	Không phải chỉnh liều (LD: 70mg (trong 1h); MD: 50mg/24h (trong 1h). Với BN > 80 kg: 70mg/24h).	Không phải chỉnh liều.																										
Cefaclor	- Suy thận: không cần thiết phải chỉnh liều, nhưng cần theo dõi thận trọng vì tăng thời gian bán thải trên đối tượng này. - HD: Liều khởi đầu: 250-1000mg trước khi lọc, MD: 250-500mg/6-8h, giữa các lần lọc.	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥10</td> <td>500mg/8h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>500mg/12h (1 liều dùng cố định sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>ND</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥10	500mg/8h	< 10	500mg/12h	HD	500mg/12h (1 liều dùng cố định sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	500mg/12h	CRRT	ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥10</td> <td>500mg/8h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>500mg/12h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥10	500mg/8h	< 10	500mg/12h	Không phải chỉnh liều.								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																													
≥10	500mg/8h																													
< 10	500mg/12h																													
HD	500mg/12h (1 liều dùng cố định sau lọc vào ngày lọc)																													
CAPD	500mg/12h																													
CRRT	ND																													
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																													
≥10	500mg/8h																													
< 10	500mg/12h																													
Cefalexin	- ClCr > 40ml/ph: không phải chỉnh liều. - ClCr < 40ml/ph: liều đầu tiên bằng liều thông thường, sau đó chỉnh liều theo ClCr.	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>250-1000mg/6h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>250-1000mg/8-12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>250-1000mg/24-48h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>250-500mg/12-24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>ND</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	250-1000mg/6h	10 - 50	250-1000mg/8-12h	< 10	250-1000mg/24-48h	HD	250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	250-500mg/12-24h	CRRT	ND	ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 60</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>30-59</td> <td>Không phải chỉnh liều, liều tối đa hàng ngày không vượt quá 1g</td> </tr> <tr> <td>15-29</td> <td>250mg/8h hoặc 12h</td> </tr> <tr> <td>5-14</td> <td>250mg/24h</td> </tr> <tr> <td>1-4, chưa HD</td> <td>250mg/48h hoặc 60h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	Không phải chỉnh liều	30-59	Không phải chỉnh liều, liều tối đa hàng ngày không vượt quá 1g	15-29	250mg/8h hoặc 12h	5-14	250mg/24h	1-4, chưa HD	250mg/48h hoặc 60h
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																													
> 50	250-1000mg/6h																													
10 - 50	250-1000mg/8-12h																													
< 10	250-1000mg/24-48h																													
HD	250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																													
CAPD	250-500mg/12-24h																													
CRRT	ND																													
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																													
> 60	Không phải chỉnh liều																													
30-59	Không phải chỉnh liều, liều tối đa hàng ngày không vượt quá 1g																													
15-29	250mg/8h hoặc 12h																													
5-14	250mg/24h																													
1-4, chưa HD	250mg/48h hoặc 60h																													

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																												
Cefamandol	<p>- Suy thận: Liều đầu tiên 1-2g, các liều duy trì như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>80 - 50</td> <td>750mg - 2g/6h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 50 - 25</td> <td>750mg - 2g/8h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 25 - 10</td> <td>500mg - 1,25g/8h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10 - 2</td> <td>500mg - 1g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 2</td> <td>250 - 750mg/12h</td> </tr> </tbody> </table> <p>- HD, CAPD: ND</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	80 - 50	750mg - 2g/6h	< 50 - 25	750mg - 2g/8h	< 25 - 10	500mg - 1,25g/8h	< 10 - 2	500mg - 1g/12h	< 2	250 - 750mg/12h	ND	ND	ND																																
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
80 - 50	750mg - 2g/6h																																															
< 50 - 25	750mg - 2g/8h																																															
< 25 - 10	500mg - 1,25g/8h																																															
< 10 - 2	500mg - 1g/12h																																															
< 2	250 - 750mg/12h																																															
Cefazolin	<p>- <i>Liều thông thường:</i></p> <p>+ NK nhẹ: 0,25 - 0,5g/8h.</p> <p>+ NK trung bình - nặng: 0,5 - 1g/6 - 8h.</p> <p>+ NK nặng, đe doạ tính mạng: 1 - 1,5g/6h.</p> <p>- Liều tối đa 12g/ngày.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng/ liều thông thường</th> <th>Khoảng dura liều</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>35 - 54</td> <td>100%</td> <td>≥ 8h/lần</td> </tr> <tr> <td>11 - 34</td> <td>50%</td> <td>12h/lần</td> </tr> <tr> <td>≤ 10</td> <td>50%</td> <td>18 - 24h/lần</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường	Khoảng dura liều	35 - 54	100%	≥ 8h/lần	11 - 34	50%	12h/lần	≤ 10	50%	18 - 24h/lần	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>1 - 2g/8h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>0,5 - 2g/8 - 12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,5 - 1g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>0,5 - 1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>0,5g/12h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>1 - 2g/12h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1 - 2g/8h	10 - 50	0,5 - 2g/8 - 12h	< 10	0,5 - 1g/24h	HD	0,5 - 1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	0,5g/12h	CRRT	1 - 2g/12h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>1 - 2g/8h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>0,5 - 2g/8 - 12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,5 - 1g/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1 - 2g/8h	10 - 50	0,5 - 2g/8 - 12h	< 10	0,5 - 1g/24h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 55</td> <td>0,5 - 2g/8h</td> </tr> <tr> <td>35 - 54</td> <td>0,5 - 2g/12h</td> </tr> <tr> <td>11 - 34</td> <td>0,25 - 1g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,25 - 1g/18 - 24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 55	0,5 - 2g/8h	35 - 54	0,5 - 2g/12h	11 - 34	0,25 - 1g/12h	< 10	0,25 - 1g/18 - 24h
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường	Khoảng dura liều																																														
35 - 54	100%	≥ 8h/lần																																														
11 - 34	50%	12h/lần																																														
≤ 10	50%	18 - 24h/lần																																														
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 50	1 - 2g/8h																																															
10 - 50	0,5 - 2g/8 - 12h																																															
< 10	0,5 - 1g/24h																																															
HD	0,5 - 1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																															
CAPD	0,5g/12h																																															
CRRT	1 - 2g/12h																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 50	1 - 2g/8h																																															
10 - 50	0,5 - 2g/8 - 12h																																															
< 10	0,5 - 1g/24h																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 55	0,5 - 2g/8h																																															
35 - 54	0,5 - 2g/12h																																															
11 - 34	0,25 - 1g/12h																																															
< 10	0,25 - 1g/18 - 24h																																															
Cefdinir	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>600mg/24h, chia 1-2 lần</td> </tr> <tr> <td>&lt; 30</td> <td>300mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>300mg/48h + 300mg ngay sau mỗi lần lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	600mg/24h, chia 1-2 lần	< 30	300mg/24h	HD	300mg/48h + 300mg ngay sau mỗi lần lọc	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>300mg/12h hoặc 600mg/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 30</td> <td>300mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>300mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>ND</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>ND</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	300mg/12h hoặc 600mg/24h	< 30	300mg/24h	HD	300mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	ND	CRRT	ND	ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>300mg/12h hoặc 600mg/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 30</td> <td>300mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>300mg/48h (hoặc 7mg/kg/48h) (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	300mg/12h hoặc 600mg/24h	< 30	300mg/24h	HD	300mg/48h (hoặc 7mg/kg/48h) (dùng sau lọc vào ngày lọc)																
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	600mg/24h, chia 1-2 lần																																															
< 30	300mg/24h																																															
HD	300mg/48h + 300mg ngay sau mỗi lần lọc																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	300mg/12h hoặc 600mg/24h																																															
< 30	300mg/24h																																															
HD	300mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																															
CAPD	ND																																															
CRRT	ND																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	300mg/12h hoặc 600mg/24h																																															
< 30	300mg/24h																																															
HD	300mg/48h (hoặc 7mg/kg/48h) (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																															

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																																																						
Cefepim	<p>Liều khởi đầu bằng liều cho người có chức năng thận bình thường, liều duy trì được hiệu chỉnh theo ClCr:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th colspan="5">Liều duy trì khuyên dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 60</td> <td>0,5g /12h</td> <td>1g /12h</td> <td>2g/12h</td> <td>2g/8h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>30-60</td> <td>0,5g /24h</td> <td>1g /24h</td> <td>2g/24h</td> <td>2g/12h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>11-29</td> <td>0,5g /24h</td> <td>0,5g /24h</td> <td>1g/24h</td> <td>2g/24h hoặc 1g/12h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>&lt; 11</td> <td>0,25g /24h</td> <td>0,25g /24h</td> <td>0,25g/ 24h</td> <td>1g/24h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>0,5g /48h</td> <td>1g /48h</td> <td>2g/48h</td> <td>2g/48h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td colspan="3">Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h</td><td>1g/24h</td><td></td> </tr> <tr> <td></td> <td colspan="4">Dùng sau khi lọc vào cùng thời điểm mỗi ngày</td><td></td> </tr> <tr> <td>CVVH/ CVVHD/ CVVHDF</td> <td colspan="4">2g/8-12h</td><td></td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều duy trì khuyên dùng					> 60	0,5g /12h	1g /12h	2g/12h	2g/8h		30-60	0,5g /24h	1g /24h	2g/24h	2g/12h		11-29	0,5g /24h	0,5g /24h	1g/24h	2g/24h hoặc 1g/12h		< 11	0,25g /24h	0,25g /24h	0,25g/ 24h	1g/24h		CAPD	0,5g /48h	1g /48h	2g/48h	2g/48h		HD	Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h			1g/24h			Dùng sau khi lọc vào cùng thời điểm mỗi ngày					CVVH/ CVVHD/ CVVHDF	2g/8-12h					<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 60</td> <td>2g/8h</td> </tr> <tr> <td>30-60</td> <td>2g/12h</td> </tr> <tr> <td>11-29</td> <td>2g/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>1g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc) hoặc 2g sau lọc (3 lần/tuần)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>2g/48h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>- Liều phụ thuộc tốc độ thải trừ, tất cả phương thức: + 1L/h: 1g/8h + ≥ 2L/h: 1g/6h - CVVH/ CVVHD, UFR 30.1: 2g/8h (truyền trong 4h)</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	2g/8h	30-60	2g/12h	11-29	2g/24h	< 10	1g/24h	HD	1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc) hoặc 2g sau lọc (3 lần/tuần)	CAPD	2g/48h	CRRT	- Liều phụ thuộc tốc độ thải trừ, tất cả phương thức: + 1L/h: 1g/8h + ≥ 2L/h: 1g/6h - CVVH/ CVVHD, UFR 30.1: 2g/8h (truyền trong 4h)	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 60</td> <td>2g/8h</td> </tr> <tr> <td>30-60</td> <td>2g/12h</td> </tr> <tr> <td>11-29</td> <td>2g/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 11</td> <td>1g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>1-2g sau lọc</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td>2g/8h hoặc 1g/6h truyền kéo dài</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td>+ Qd 20-25ml/kg/h: LD 2g, MD 1,5-1,75g/8h + Qd 30ml/kg/h: 2g/8h (truyền kéo dài)</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td>+ UF + Qd ≤ 1000ml/h: 1g/8h + UF + Qd ≥ 1500ml/h: 2g/8h hoặc 1g/6h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	2g/8h	30-60	2g/12h	11-29	2g/24h	< 11	1g/24h	HD	1-2g sau lọc	CVVH	2g/8h hoặc 1g/6h truyền kéo dài	CVVHD	+ Qd 20-25ml/kg/h: LD 2g, MD 1,5-1,75g/8h + Qd 30ml/kg/h: 2g/8h (truyền kéo dài)	CVVHDF	+ UF + Qd ≤ 1000ml/h: 1g/8h + UF + Qd ≥ 1500ml/h: 2g/8h hoặc 1g/6h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều duy trì khuyên dùng, phụ thuộc mức độ NK</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 60</td> <td>0,5g /12h</td> </tr> <tr> <td>30-60</td> <td>0,5g /24h</td> </tr> <tr> <td>11-29</td> <td>0,5g /24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 11</td> <td>0,25g /24h</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>0,5g /48h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h</td> </tr> </tbody> </table> <p>Dùng sau khi lọc vào cùng thời điểm mỗi ngày</p>	ClCr (ml/ph)	Liều duy trì khuyên dùng, phụ thuộc mức độ NK	> 60	0,5g /12h	30-60	0,5g /24h	11-29	0,5g /24h	< 11	0,25g /24h	CAPD	0,5g /48h	HD	Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h
ClCr (ml/ph)	Liều duy trì khuyên dùng																																																																																																									
> 60	0,5g /12h	1g /12h	2g/12h	2g/8h																																																																																																						
30-60	0,5g /24h	1g /24h	2g/24h	2g/12h																																																																																																						
11-29	0,5g /24h	0,5g /24h	1g/24h	2g/24h hoặc 1g/12h																																																																																																						
< 11	0,25g /24h	0,25g /24h	0,25g/ 24h	1g/24h																																																																																																						
CAPD	0,5g /48h	1g /48h	2g/48h	2g/48h																																																																																																						
HD	Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h			1g/24h																																																																																																						
	Dùng sau khi lọc vào cùng thời điểm mỗi ngày																																																																																																									
CVVH/ CVVHD/ CVVHDF	2g/8-12h																																																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																									
> 60	2g/8h																																																																																																									
30-60	2g/12h																																																																																																									
11-29	2g/24h																																																																																																									
< 10	1g/24h																																																																																																									
HD	1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc) hoặc 2g sau lọc (3 lần/tuần)																																																																																																									
CAPD	2g/48h																																																																																																									
CRRT	- Liều phụ thuộc tốc độ thải trừ, tất cả phương thức: + 1L/h: 1g/8h + ≥ 2L/h: 1g/6h - CVVH/ CVVHD, UFR 30.1: 2g/8h (truyền trong 4h)																																																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																									
> 60	2g/8h																																																																																																									
30-60	2g/12h																																																																																																									
11-29	2g/24h																																																																																																									
< 11	1g/24h																																																																																																									
HD	1-2g sau lọc																																																																																																									
CVVH	2g/8h hoặc 1g/6h truyền kéo dài																																																																																																									
CVVHD	+ Qd 20-25ml/kg/h: LD 2g, MD 1,5-1,75g/8h + Qd 30ml/kg/h: 2g/8h (truyền kéo dài)																																																																																																									
CVVHDF	+ UF + Qd ≤ 1000ml/h: 1g/8h + UF + Qd ≥ 1500ml/h: 2g/8h hoặc 1g/6h																																																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều duy trì khuyên dùng, phụ thuộc mức độ NK																																																																																																									
> 60	0,5g /12h																																																																																																									
30-60	0,5g /24h																																																																																																									
11-29	0,5g /24h																																																																																																									
< 11	0,25g /24h																																																																																																									
CAPD	0,5g /48h																																																																																																									
HD	Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h																																																																																																									
Cefixim	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 60</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>21 - 60</td> <td>300mg/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 20</td> <td rowspan="3">200mg/24h</td> <td rowspan="3"></td> </tr> <tr> <td>HD</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	Không phải chỉnh liều	21 - 60	300mg/24h	< 20	200mg/24h		HD	CAPD	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 60</td> <td>400mg/24h</td> </tr> <tr> <td>21 - 60</td> <td>260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch)</td> </tr> <tr> <td>≤ 20</td> <td>200mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch, sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>200mg/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>ND</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 60	400mg/24h	21 - 60	260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch)	≤ 20	200mg/24h	HD	260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch, sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	200mg/24h	CRRT	ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>400mg/24h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>300mg/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>200mg/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	400mg/24h	10 - 50	300mg/24h	< 10	200mg/24h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 60</td> <td>400mg/24h</td> </tr> <tr> <td>21 - 59 hoặc HD</td> <td>300mg/24h</td> </tr> <tr> <td>≤ 20 hoặc CAPD</td> <td>200mg/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 60	400mg/24h	21 - 59 hoặc HD	300mg/24h	≤ 20 hoặc CAPD	200mg/24h																																																													
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																									
> 60	Không phải chỉnh liều																																																																																																									
21 - 60	300mg/24h																																																																																																									
< 20	200mg/24h																																																																																																									
HD																																																																																																										
CAPD																																																																																																										
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																									
≥ 60	400mg/24h																																																																																																									
21 - 60	260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch)																																																																																																									
≤ 20	200mg/24h																																																																																																									
HD	260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch, sau lọc vào ngày lọc)																																																																																																									
CAPD	200mg/24h																																																																																																									
CRRT	ND																																																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																									
> 50	400mg/24h																																																																																																									
10 - 50	300mg/24h																																																																																																									
< 10	200mg/24h																																																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																									
≥ 60	400mg/24h																																																																																																									
21 - 59 hoặc HD	300mg/24h																																																																																																									
≤ 20 hoặc CAPD	200mg/24h																																																																																																									
Cefoperazon	<ul style="list-style-type: none"> <li>Suy thận: Không phải chỉnh liều (1-2g/12h, BN nặng 6-12g/2-4 lần)</li> <li>Suy gan + suy thận: 1 - 2g/24h</li> <li>HD: ND</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Suy thận: Không phải chỉnh liều (1-2g/12h)</li> <li>(GFR &lt; 18: tối đa 4g/24h)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không phải chỉnh liều (NK nhẹ-trung bình: 1-2g/12h; NK nặng: 12g/24h/2-4 lần; Suy gan + suy thận: ≤ 2g/24h)</li> </ul>	ND																																																																																																						

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																												
		- HD: không phải chỉnh liều, dùng sau lọc vào ngày lọc - CAPD, CRRT: ND																																														
Cefoperazon + sulbactam	ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>0,5 - 1g/12h, tối đa 2g/12h</td> </tr> <tr> <td>15 - 30</td> <td>1g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 15</td> <td>0,5g/12h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>1g/8h</td> </tr> </tbody> </table> <p><i>Liều dùng được tính theo sulbactam.</i></p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	0,5 - 1g/12h, tối đa 2g/12h	15 - 30	1g/12h	< 15	0,5g/12h	HD	0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CRRT	1g/8h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 30</td> <td>1-2g/12h (tính theo cefoperazon). Có thể tăng liều lên 8g/24h (tỷ lệ 1:1).</td> </tr> <tr> <td>15 - 30</td> <td>Tối đa 1g/12h (tính theo sulbactam)</td> </tr> <tr> <td>&lt; 15</td> <td>Tối đa 0,5g/12h (tính theo sulbactam)</td> </tr> </tbody> </table> <p><i>BN suy gan, suy thận đồng thời: ≤ 2g cefoperazon/24h.</i></p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 30	1-2g/12h (tính theo cefoperazon). Có thể tăng liều lên 8g/24h (tỷ lệ 1:1).	15 - 30	Tối đa 1g/12h (tính theo sulbactam)	< 15	Tối đa 0,5g/12h (tính theo sulbactam)	ND																								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	0,5 - 1g/12h, tối đa 2g/12h																																															
15 - 30	1g/12h																																															
< 15	0,5g/12h																																															
HD	0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																															
CRRT	1g/8h																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 30	1-2g/12h (tính theo cefoperazon). Có thể tăng liều lên 8g/24h (tỷ lệ 1:1).																																															
15 - 30	Tối đa 1g/12h (tính theo sulbactam)																																															
< 15	Tối đa 0,5g/12h (tính theo sulbactam)																																															
Cefotaxim	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 20</td> <td>- NK không nghiêm trọng: 1g/12h - NK trung bình đến nặng: 1-2g/8h - NK nặng: 2-3g/6-8h, tối đa 12g/ngày</td> </tr> <tr> <td>&lt; 20</td> <td>Giảm nửa liều</td> </tr> <tr> <td>≤ 5</td> <td>500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>Bổ sung thêm một liều sau lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 20	- NK không nghiêm trọng: 1g/12h - NK trung bình đến nặng: 1-2g/8h - NK nặng: 2-3g/6-8h, tối đa 12g/ngày	< 20	Giảm nửa liều	≤ 5	500mg/12h	HD	Bổ sung thêm một liều sau lọc	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 90</td> <td>2g/8h</td> </tr> <tr> <td>&gt; 50-90</td> <td>2g/8-12h</td> </tr> <tr> <td>10-50</td> <td>2g/12-24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>2g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>2g/24h + 1g sau lọc</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>0,5-1g/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>2g/12-24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 90	2g/8h	> 50-90	2g/8-12h	10-50	2g/12-24h	< 10	2g/24h	HD	2g/24h + 1g sau lọc	CAPD	0,5-1g/24h	CRRT	2g/12-24h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 90</td> <td>2g/8h</td> </tr> <tr> <td>51-90</td> <td>2g/8-12h</td> </tr> <tr> <td>10-50</td> <td>2g/12-24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>2g/24h</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td>1-2g/8-12h</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td>1-2g/8h</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td>1-2g/6-8h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>2g/24h + 1g sau lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 90	2g/8h	51-90	2g/8-12h	10-50	2g/12-24h	< 10	2g/24h	CVVH	1-2g/8-12h	CVVHD	1-2g/8h	CVVHDF	1-2g/6-8h	HD	2g/24h + 1g sau lọc	ND
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 20	- NK không nghiêm trọng: 1g/12h - NK trung bình đến nặng: 1-2g/8h - NK nặng: 2-3g/6-8h, tối đa 12g/ngày																																															
< 20	Giảm nửa liều																																															
≤ 5	500mg/12h																																															
HD	Bổ sung thêm một liều sau lọc																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 90	2g/8h																																															
> 50-90	2g/8-12h																																															
10-50	2g/12-24h																																															
< 10	2g/24h																																															
HD	2g/24h + 1g sau lọc																																															
CAPD	0,5-1g/24h																																															
CRRT	2g/12-24h																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 90	2g/8h																																															
51-90	2g/8-12h																																															
10-50	2g/12-24h																																															
< 10	2g/24h																																															
CVVH	1-2g/8-12h																																															
CVVHD	1-2g/8h																																															
CVVHDF	1-2g/6-8h																																															
HD	2g/24h + 1g sau lọc																																															
Cefotiam	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Đường uống:</b> ClCr &gt; 20ml/ph không phải chỉnh liều, tuy nhiên không được vượt quá 400mg/24h.</li> <li><b>Đường tiêm:</b> ND.</li> </ul>	ND	ND	ND																																												
Cefpirom	<ul style="list-style-type: none"> <li>- LD 1-2g, MD như sau:</li> </ul> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>LD: 1g</th> <th>LD: 2g</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 50</td> <td colspan="2">Không phải chỉnh liều (1-2g/12h, NK nặng: 2g/12h)</td> </tr> <tr> <td>20 - 50</td> <td>0,5g/12h</td> <td>1g/12h</td> </tr> <tr> <td>5 - 20</td> <td>0,5g/24h</td> <td>1g/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	LD: 1g	LD: 2g	≥ 50	Không phải chỉnh liều (1-2g/12h, NK nặng: 2g/12h)		20 - 50	0,5g/12h	1g/12h	5 - 20	0,5g/24h	1g/24h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>2g/12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>1g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>1g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>1g/24h (sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	2g/12h	10 - 50	1g/12h	< 10	1g/24h	HD	1g/24h (sau lọc vào ngày lọc)	ND																							
ClCr (ml/ph)	LD: 1g	LD: 2g																																														
≥ 50	Không phải chỉnh liều (1-2g/12h, NK nặng: 2g/12h)																																															
20 - 50	0,5g/12h	1g/12h																																														
5 - 20	0,5g/24h	1g/24h																																														
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 50	2g/12h																																															
10 - 50	1g/12h																																															
< 10	1g/24h																																															
HD	1g/24h (sau lọc vào ngày lọc)																																															

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022			Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021			
	ClCr (ml/ph)	LD: 1g	LD: 2g	ClCr (ml/ph) Liều dùng					
	< 5 (hoặc HD)	0,5g/24h + 0,25g ngay sau lọc	1g/24h + 0,5g ngay sau lọc	CAPD 0,5g x 3 lần/tuần					
				CRRT LD: 2g, MD 1g/12h					
Ceftazidim	- LD: 1g - MD được hiệu chỉnh như sau:	ClCr (ml/ph) 31 - 50 16 - 30 6 - 15 < 5	Liều dùng 1g/12h 1g/24h 0,5g/24h 0,5g/48h	ClCr (ml/ph) > 50 10 - 50 < 10 HD CRRT CAPD SLED	Liều dùng Không phải chỉnh liều (1-2g/8-12h) 1-2g/12-24h 1-2g/24h 0,5-1g/24h, dùng sau lọc vào ngày lọc 1-2g/8-12h ND 2g/12h	ClCr (ml/ph) > 50 10 - 50 < 10 CVVH, CVVHD CVVHDF HD	Liều dùng 1-2g/8-12h 1-2g/12-24h 1-2g/24h 1-2g/8-12h 2,5g/8h 2g sau lọc	ClCr (ml/ph) > 50 31 - 50 16 - 30 6 - 15 < 5 HD	Liều dùng 1 - 2g/8 - 12h 1g/12h 1g/24h 0,5g/24h 0,5g/48h LD 1g, sau đó 1g sau lọc
Ceftazidim + avibactam	ND			ClCr (ml/ph) > 50 31 - 50 16 - 30 6 - 15 ( $\pm$ HD) $\leq$ 5 ( $\pm$ HD) HD CVVH CVVHDF	Liều dùng 2,5g/8h 1,25g/8h 0,94g/12h 0,94g/24h 0,94g/48h ClCr $\leq$ 15 trong HD: dùng sau lọc vào ngày lọc 1,25g/8h 2,5g/8h	ND		ClCr (ml/ph) $\geq$ 50 31 - 50 16 - 30 6 - 15 ( $\pm$ HD) $\leq$ 5 ( $\pm$ HD) HD	Liều dùng 2,5g/8h 1,25g/8h 0,94g/12h 0,94g/24h 0,94g/48h dùng sau lọc vào ngày lọc

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022		Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																						
Ceftibuten	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 50</td> <td>400mg/24h</td> </tr> <tr> <td>30-49</td> <td>4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h</td> </tr> <tr> <td>5-29</td> <td>2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>400mg hoặc 9mg/kg hỗn dịch uống (liều tối đa 400mg) vào cuối mỗi lần lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 50	400mg/24h	30-49	4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h	5-29	2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h	HD	400mg hoặc 9mg/kg hỗn dịch uống (liều tối đa 400mg) vào cuối mỗi lần lọc	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>400mg/24h</td> </tr> <tr> <td>10-50</td> <td>200mg/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>100mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>100mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>100mg/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>ND</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	400mg/24h	10-50	200mg/24h	< 10	100mg/24h	HD	100mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	100mg/24h	CRRT	ND	ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>9mg/kg/24h hoặc 400mg/24h</td> </tr> <tr> <td>30-49</td> <td>4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h</td> </tr> <tr> <td>5-29</td> <td>2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>400mg hoặc 9mg/kg (tối đa 400mg), PO sau mỗi lần lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	9mg/kg/24h hoặc 400mg/24h	30-49	4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h	5-29	2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h	HD	400mg hoặc 9mg/kg (tối đa 400mg), PO sau mỗi lần lọc					
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																										
≥ 50	400mg/24h																																										
30-49	4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h																																										
5-29	2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h																																										
HD	400mg hoặc 9mg/kg hỗn dịch uống (liều tối đa 400mg) vào cuối mỗi lần lọc																																										
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																										
> 50	400mg/24h																																										
10-50	200mg/24h																																										
< 10	100mg/24h																																										
HD	100mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																										
CAPD	100mg/24h																																										
CRRT	ND																																										
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																										
> 50	9mg/kg/24h hoặc 400mg/24h																																										
30-49	4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h																																										
5-29	2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h																																										
HD	400mg hoặc 9mg/kg (tối đa 400mg), PO sau mỗi lần lọc																																										
Ceftizoxim	ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 90</td> <td>2g/8h</td> </tr> <tr> <td>50 - 90</td> <td>2g/8-12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>2g/12-24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>2g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>2g/24h + 1g sau lọc</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>0,5-1g/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>2g/12-24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 90	2g/8h	50 - 90	2g/8-12h	10 - 50	2g/12-24h	< 10	2g/24h	HD	2g/24h + 1g sau lọc	CAPD	0,5-1g/24h	CRRT	2g/12-24h	ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Chức năng thận</th> <th>NK nhẹ</th> <th>NK đe dọa tính mạng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>50-79</td> <td>Suy thận nhẹ</td> <td>0,5g/8h /8h</td> <td>0,75-1,5g /8h</td> </tr> <tr> <td>5-49</td> <td>Suy thận trung bình - nặng</td> <td>0,25 - 0,5g /12h</td> <td>0,5-1g /12h</td> </tr> <tr> <td>0-4</td> <td>HD</td> <td>0,5g /48h hoặc 0,25g /24h</td> <td>0,5-1g /48h hoặc 0,5g/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Chức năng thận	NK nhẹ	NK đe dọa tính mạng	50-79	Suy thận nhẹ	0,5g/8h /8h	0,75-1,5g /8h	5-49	Suy thận trung bình - nặng	0,25 - 0,5g /12h	0,5-1g /12h	0-4	HD	0,5g /48h hoặc 0,25g /24h	0,5-1g /48h hoặc 0,5g/24h							
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																										
> 90	2g/8h																																										
50 - 90	2g/8-12h																																										
10 - 50	2g/12-24h																																										
< 10	2g/24h																																										
HD	2g/24h + 1g sau lọc																																										
CAPD	0,5-1g/24h																																										
CRRT	2g/12-24h																																										
ClCr (ml/ph)	Chức năng thận	NK nhẹ	NK đe dọa tính mạng																																								
50-79	Suy thận nhẹ	0,5g/8h /8h	0,75-1,5g /8h																																								
5-49	Suy thận trung bình - nặng	0,25 - 0,5g /12h	0,5-1g /12h																																								
0-4	HD	0,5g /48h hoặc 0,25g /24h	0,5-1g /48h hoặc 0,5g/24h																																								
Ceftolozan + tazobactam	ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>IAI/UTI</th> <th>HAP/VAP</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>1,5g/8h</td> <td>3g/8h</td> </tr> <tr> <td>30 - 50</td> <td>0,75g/8h</td> <td>1,5g/8h</td> </tr> <tr> <td>15 - 29</td> <td>0,375g/8h</td> <td>0,75g/8h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 15 và có HD</td> <td colspan="2">Xem phần HD</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h (sau lọc)</td> <td>LD: 2,25g, MD: 0,45g/8h (sau lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>ND</td> <td></td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td colspan="2">CVVHDF: 3g, sau đó 0,75g/8h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	IAI/UTI	HAP/VAP	> 50	1,5g/8h	3g/8h	30 - 50	0,75g/8h	1,5g/8h	15 - 29	0,375g/8h	0,75g/8h	< 15 và có HD	Xem phần HD		HD	LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h (sau lọc)	LD: 2,25g, MD: 0,45g/8h (sau lọc)	CAPD	ND		CRRT	CVVHDF: 3g, sau đó 0,75g/8h		ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>cIAI/cUTI</th> <th>HAP/VAP</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>1,5g/8h</td> <td>3g/8h</td> </tr> <tr> <td>30 - 50</td> <td>0,75g/8h</td> <td>1,5g/8h</td> </tr> <tr> <td>15 - 29</td> <td>0,375g/8h</td> <td>0,75g/8h</td> </tr> <tr> <td>Bệnh thận mạn giai đoạn cuối đang HD</td> <td>LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc</td> <td>LD: 0,25g, MD: 0,45g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	cIAI/cUTI	HAP/VAP	> 50	1,5g/8h	3g/8h	30 - 50	0,75g/8h	1,5g/8h	15 - 29	0,375g/8h	0,75g/8h	Bệnh thận mạn giai đoạn cuối đang HD	LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc	LD: 0,25g, MD: 0,45g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc
ClCr (ml/ph)	IAI/UTI	HAP/VAP																																									
> 50	1,5g/8h	3g/8h																																									
30 - 50	0,75g/8h	1,5g/8h																																									
15 - 29	0,375g/8h	0,75g/8h																																									
< 15 và có HD	Xem phần HD																																										
HD	LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h (sau lọc)	LD: 2,25g, MD: 0,45g/8h (sau lọc)																																									
CAPD	ND																																										
CRRT	CVVHDF: 3g, sau đó 0,75g/8h																																										
ClCr (ml/ph)	cIAI/cUTI	HAP/VAP																																									
> 50	1,5g/8h	3g/8h																																									
30 - 50	0,75g/8h	1,5g/8h																																									
15 - 29	0,375g/8h	0,75g/8h																																									
Bệnh thận mạn giai đoạn cuối đang HD	LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc	LD: 0,25g, MD: 0,45g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc																																									
Ceftriaxon	ND	Không phải chỉnh liều (1 - 2g/12 - 24h).	- Không phải chỉnh liều (1 - 2g/24h, BN nặng 2g/12h).	Không phải chỉnh liều																																							

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																										
			- CVVH, CVVHD, CVVHDF: 1 - 2g/12h. - HD: 1 - 2g/12 - 24h.																																																																											
Cefuroxim	<p><b>Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 20</td> <td>0,75 - 1,5g/6 - 8h</td> </tr> <tr> <td>10 - 20</td> <td>0,75g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,75g /24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>0,75g/sau lọc</td> </tr> <tr> <td>APD</td> <td>0,75g/12h</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Đường uống:</b> ND.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 20	0,75 - 1,5g/6 - 8h	10 - 20	0,75g/12h	< 10	0,75g /24h	HD	0,75g/sau lọc	APD	0,75g/12h	<p><b>Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>0,75 - 1,5g/8h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>0,75 - 1,5g/8 - 12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,75 - 1,5g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>0,75 - 1,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>0,75 - 1,5g/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>0,75 - 1,5g/8-12h</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Đường uống:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>250 - 500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 29</td> <td>250 - 500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>250 - 500mg/48h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>250 - 500mg/48h, thêm 1 liều 250 - 500mg sau lọc</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>250 - 500mg/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,75 - 1,5g/8h	10 - 50	0,75 - 1,5g/8 - 12h	< 10	0,75 - 1,5g/24h	HD	0,75 - 1,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	0,75 - 1,5g/24h	CRRT	0,75 - 1,5g/8-12h	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	250 - 500mg/12h	10 - 29	250 - 500mg/24h	< 10	250 - 500mg/48h	HD	250 - 500mg/48h, thêm 1 liều 250 - 500mg sau lọc	CAPD	250 - 500mg/24h	<p><b>Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>0,75 - 1,5g/8h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>0,75 - 1,5g/8 - 12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,75 - 1,5g/24h</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Đường uống:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>0,5g/12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 29</td> <td>0,5g/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,5g/48h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,75 - 1,5g/8h	10 - 50	0,75 - 1,5g/8 - 12h	< 10	0,75 - 1,5g/24h	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	0,5g/12h	10 - 29	0,5g/24h	< 10	0,5g/48h	<p><b>Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 20</td> <td>0,75 - 1,5g/8h</td> </tr> <tr> <td>10 - 20</td> <td>0,75g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,75g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>0,75g/24h, thêm 1 liều 0,75g vào cuối phiên lọc</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Đường uống:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>250 - 500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 30</td> <td>250 - 500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>250 - 500mg/48h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>Thêm một liều 250 - 500mg vào cuối mỗi phiên lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 20	0,75 - 1,5g/8h	10 - 20	0,75g/12h	< 10	0,75g/24h	HD	0,75g/24h, thêm 1 liều 0,75g vào cuối phiên lọc	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	250 - 500mg/12h	10 - 30	250 - 500mg/12h	< 10	250 - 500mg/48h	HD	Thêm một liều 250 - 500mg vào cuối mỗi phiên lọc
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																													
> 20	0,75 - 1,5g/6 - 8h																																																																													
10 - 20	0,75g/12h																																																																													
< 10	0,75g /24h																																																																													
HD	0,75g/sau lọc																																																																													
APD	0,75g/12h																																																																													
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																													
> 50	0,75 - 1,5g/8h																																																																													
10 - 50	0,75 - 1,5g/8 - 12h																																																																													
< 10	0,75 - 1,5g/24h																																																																													
HD	0,75 - 1,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																													
CAPD	0,75 - 1,5g/24h																																																																													
CRRT	0,75 - 1,5g/8-12h																																																																													
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																													
≥ 30	250 - 500mg/12h																																																																													
10 - 29	250 - 500mg/24h																																																																													
< 10	250 - 500mg/48h																																																																													
HD	250 - 500mg/48h, thêm 1 liều 250 - 500mg sau lọc																																																																													
CAPD	250 - 500mg/24h																																																																													
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																													
> 50	0,75 - 1,5g/8h																																																																													
10 - 50	0,75 - 1,5g/8 - 12h																																																																													
< 10	0,75 - 1,5g/24h																																																																													
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																													
≥ 30	0,5g/12h																																																																													
10 - 29	0,5g/24h																																																																													
< 10	0,5g/48h																																																																													
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																													
> 20	0,75 - 1,5g/8h																																																																													
10 - 20	0,75g/12h																																																																													
< 10	0,75g/24h																																																																													
HD	0,75g/24h, thêm 1 liều 0,75g vào cuối phiên lọc																																																																													
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																													
≥ 30	250 - 500mg/12h																																																																													
10 - 30	250 - 500mg/12h																																																																													
< 10	250 - 500mg/48h																																																																													
HD	Thêm một liều 250 - 500mg vào cuối mỗi phiên lọc																																																																													
Cefalexin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ClCr &gt; 40ml/ph: Không phải chỉnh liều</li> <li>- ClCr &lt; 40ml/ph: liều đầu tiên bằng liều thông thường, sau đó chỉnh liều theo ClCr:</li> </ul> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng (mg)</th> <th>Cách dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>11 - 40</td> <td>500</td> <td>8-12h/lần</td> </tr> <tr> <td>5 - 10</td> <td>250</td> <td>12h/lần</td> </tr> <tr> <td>&lt; 5</td> <td>250</td> <td>12-24h/lần</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng (mg)	Cách dùng	11 - 40	500	8-12h/lần	5 - 10	250	12h/lần	< 5	250	12-24h/lần	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>250-1000mg/6h</td> </tr> <tr> <td>10-50</td> <td>250-1000mg/8-12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>250-1000mg/24-48h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>250-500mg/12-24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>ND</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	250-1000mg/6h	10-50	250-1000mg/8-12h	< 10	250-1000mg/24-48h	HD	250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	250-500mg/12-24h	CRRT	ND	ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 60</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>30-59</td> <td>Không phải chỉnh liều, liều tối đa hàng ngày không vượt quá 1g</td> </tr> <tr> <td>15-29</td> <td>250mg/8h hoặc 12h</td> </tr> <tr> <td>5-14</td> <td>250mg/24h</td> </tr> <tr> <td>1-4, chưa HD</td> <td>250mg/48h hoặc 60h.</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	Không phải chỉnh liều	30-59	Không phải chỉnh liều, liều tối đa hàng ngày không vượt quá 1g	15-29	250mg/8h hoặc 12h	5-14	250mg/24h	1-4, chưa HD	250mg/48h hoặc 60h.																																				
ClCr (ml/ph)	Liều dùng (mg)	Cách dùng																																																																												
11 - 40	500	8-12h/lần																																																																												
5 - 10	250	12h/lần																																																																												
< 5	250	12-24h/lần																																																																												
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																													
> 50	250-1000mg/6h																																																																													
10-50	250-1000mg/8-12h																																																																													
< 10	250-1000mg/24-48h																																																																													
HD	250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																													
CAPD	250-500mg/12-24h																																																																													
CRRT	ND																																																																													
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																													
> 60	Không phải chỉnh liều																																																																													
30-59	Không phải chỉnh liều, liều tối đa hàng ngày không vượt quá 1g																																																																													
15-29	250mg/8h hoặc 12h																																																																													
5-14	250mg/24h																																																																													
1-4, chưa HD	250mg/48h hoặc 60h.																																																																													

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																						
Ciprofloxacin	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>30 - 50</td> <td>PO: 250 - 500mg/12h IV: không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>&lt; 30</td> <td>Viêm bàng quang cấp không biến chứng, uống viên giải phóng chậm: 500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>5-29</td> <td>PO: 250 - 500mg/18h IV: 200 - 400mg/18-24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	30 - 50	PO: 250 - 500mg/12h IV: không phải chỉnh liều	< 30	Viêm bàng quang cấp không biến chứng, uống viên giải phóng chậm: 500mg/24h	5-29	PO: 250 - 500mg/18h IV: 200 - 400mg/18-24h	<p><b>- Đường uống (non-XR):</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>250-750mg/12h</td> </tr> <tr> <td>30-50</td> <td>250-500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>5-29</td> <td>250-500mg/18h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>250-500mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>250-500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>250-500mg/12h</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>- Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>200-400mg/8-12h</td> </tr> <tr> <td>5-29</td> <td>200-400mg/18-24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>200-400mg/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>200-400mg/12h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	250-750mg/12h	30-50	250-500mg/12h	5-29	250-500mg/18h	HD	250-500mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	250-500mg/24h	CRRT	250-500mg/12h	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	200-400mg/8-12h	5-29	200-400mg/18-24h	HD	200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	200-400mg/24h	CRRT	200-400mg/12h	<p><b>- Đường uống (non-XR):</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>250-750mg/12h</td> </tr> <tr> <td>30-50</td> <td>250-500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>5-29</td> <td>500-750mg/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 5, không lọc máu</td> <td>ND</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>- Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>200-400mg/8-12h</td> </tr> <tr> <td>5-29</td> <td>200-400mg/18-24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 5, không lọc máu</td> <td>ND</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td>400mg/12h</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td>400mg/12h</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td>400mg/12h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	250-750mg/12h	30-50	250-500mg/12h	5-29	500-750mg/24h	< 5, không lọc máu	ND	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	200-400mg/8-12h	5-29	200-400mg/18-24h	< 5, không lọc máu	ND	HD	200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CVVH	400mg/12h	CVVHD	400mg/12h	CVVHDF	400mg/12h	<p><b>- Đường uống (non-XR):</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>250-750mg/12h</td> </tr> <tr> <td>30-50</td> <td>250-500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>5-29</td> <td>250-500mg/18h</td> </tr> <tr> <td>HD hoặc PD</td> <td>250-500mg/24h (dùng sau lọc)</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	250-750mg/12h	30-50	250-500mg/12h	5-29	250-500mg/18h	HD hoặc PD	250-500mg/24h (dùng sau lọc)
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
30 - 50	PO: 250 - 500mg/12h IV: không phải chỉnh liều																																																																									
< 30	Viêm bàng quang cấp không biến chứng, uống viên giải phóng chậm: 500mg/24h																																																																									
5-29	PO: 250 - 500mg/18h IV: 200 - 400mg/18-24h																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
> 50	250-750mg/12h																																																																									
30-50	250-500mg/12h																																																																									
5-29	250-500mg/18h																																																																									
HD	250-500mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																									
CAPD	250-500mg/24h																																																																									
CRRT	250-500mg/12h																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
≥ 30	200-400mg/8-12h																																																																									
5-29	200-400mg/18-24h																																																																									
HD	200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																									
CAPD	200-400mg/24h																																																																									
CRRT	200-400mg/12h																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
> 50	250-750mg/12h																																																																									
30-50	250-500mg/12h																																																																									
5-29	500-750mg/24h																																																																									
< 5, không lọc máu	ND																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
≥ 30	200-400mg/8-12h																																																																									
5-29	200-400mg/18-24h																																																																									
< 5, không lọc máu	ND																																																																									
HD	200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																									
CVVH	400mg/12h																																																																									
CVVHD	400mg/12h																																																																									
CVVHDF	400mg/12h																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
> 50	250-750mg/12h																																																																									
30-50	250-500mg/12h																																																																									
5-29	250-500mg/18h																																																																									
HD hoặc PD	250-500mg/24h (dùng sau lọc)																																																																									
Clarithromycin	<p>- Liều thông thường:</p> <p><b>Đường uống:</b> 250-500mg/12h hoặc viên giải phóng kéo dài 1g/24h.</p> <p><b>Đường tiêm:</b> 500mg/12h.</p> <p>- ClCr ≥ 30ml/ph : Không phải chỉnh liều</p> <p>- ClCr &lt; 30ml/ph: Dùng ½ liều bình thường hoặc kéo dài gấp đôi khoảng cách giữa các lần cho thuốc.</p>	<p><b>- Đường uống:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>500mg/12 - 24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>500mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>500mg/12 - 24h</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>- Đường tiêm:</b> ND</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	500mg/12h	10 - 50	500mg/12 - 24h	< 10	500mg/24h	HD	500mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	500mg/24h	CRRT	500mg/12 - 24h	<p><b>- Đường uống:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>0,5g/12h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>0,5g/12 - 24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,5g/24h</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>- Đường tiêm:</b> ND</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,5g/12h	10 - 50	0,5g/12 - 24h	< 10	0,5g/24h	<p><b>- Đường uống:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Liều ở BN không suy thận: 250 - 500mg/12h (NK thông thường); 500mg/8 - 12h (nhiễm <i>Mycobacterium</i> và <i>Helicobacter pylori</i>).</li> <li>+ Suy thận: ClCr &lt; 30ml/ph: Giảm 50% liều hoặc kéo dài gấp đôi khoảng đua liều.</li> <li>- Đường tiêm: ND</li> </ul>																																																
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
> 50	500mg/12h																																																																									
10 - 50	500mg/12 - 24h																																																																									
< 10	500mg/24h																																																																									
HD	500mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)																																																																									
CAPD	500mg/24h																																																																									
CRRT	500mg/12 - 24h																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
> 50	0,5g/12h																																																																									
10 - 50	0,5g/12 - 24h																																																																									
< 10	0,5g/24h																																																																									
Clindamycin	<p>- Suy thận nhẹ đến vừa: Không phải chỉnh liều.</p> <p>- Suy thận nặng: nên giảm liều.</p>	<p>Không phải chỉnh liều (900mg/8h, IV hoặc 150 - 450mg/6h, PO).</p>	<p>Không phải chỉnh liều (IV: 600 - 900mg/8h, có thể tăng lên 900mg/6h; PO: 150 - 450mg/6 - 8h).</p>	<p>Không phải chỉnh liều</p>																																																																						

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																
Doripenem	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>500mg/8h</td> </tr> <tr> <td>30-50</td> <td>250mg/8h</td> </tr> <tr> <td>11-29</td> <td>250mg/12h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>ND</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	500mg/8h	30-50	250mg/8h	11-29	250mg/12h	HD	ND	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>500mg/8h</td> </tr> <tr> <td>30-50</td> <td>250mg/8h</td> </tr> <tr> <td>10-30</td> <td>250mg/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>ND</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>500mg/8h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	500mg/8h	30-50	250mg/8h	10-30	250mg/12h	< 10	ND	CRRT	500mg/8h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>0,5g/8h</td> </tr> <tr> <td>30-50</td> <td>0,25g/8h</td> </tr> <tr> <td>10-29</td> <td>0,25g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt;10</td> <td>ND</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td>0,5-1g/8h</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td>0,5-1g/8h</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td>0,5-1g/8h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>0,25g/12-24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,5g/8h	30-50	0,25g/8h	10-29	0,25g/12h	<10	ND	CVVH	0,5-1g/8h	CVVHD	0,5-1g/8h	CVVHDF	0,5-1g/8h	HD	0,25g/12-24h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>0,5-1g/8h</td> </tr> <tr> <td>30-50</td> <td>0,25g/8h</td> </tr> <tr> <td>11-29</td> <td>0,25g/12h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,5-1g/8h	30-50	0,25g/8h	11-29	0,25g/12h
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 50	500mg/8h																																																			
30-50	250mg/8h																																																			
11-29	250mg/12h																																																			
HD	ND																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 50	500mg/8h																																																			
30-50	250mg/8h																																																			
10-30	250mg/12h																																																			
< 10	ND																																																			
CRRT	500mg/8h																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 50	0,5g/8h																																																			
30-50	0,25g/8h																																																			
10-29	0,25g/12h																																																			
<10	ND																																																			
CVVH	0,5-1g/8h																																																			
CVVHD	0,5-1g/8h																																																			
CVVHDF	0,5-1g/8h																																																			
HD	0,25g/12-24h																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 50	0,5-1g/8h																																																			
30-50	0,25g/8h																																																			
11-29	0,25g/12h																																																			
Doxycyclin	- Thường không phải chỉnh liều - Ngày đầu tiên, 100mg/12h, tiếp theo là 100mg/24h. Nếu NK nặng, duy trì liều 100mg/12h.	Không phải chỉnh liều	Không phải chỉnh liều: 100mg/12h	Không phải chỉnh liều																																																
Ertapenem	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ClCr &gt; 30ml/ph/1,73m<sup>2</sup>: Không phải chỉnh liều.</li> <li>- ClCr ≤ 30ml/ph/1,73m<sup>2</sup>: 500mg/24h.</li> <li>- HD: 500mg/24h <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời gian dùng trước HD ≤ 6h: bổ sung 150mg sau lọc.</li> <li>+ Thời gian dùng trước HD &gt; 6h: Không phải bổ sung.</li> </ul> </li> <li>- CAPD: ND</li> </ul>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph/1,73m<sup>2</sup>)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 30</td> <td>1g/24h</td> </tr> <tr> <td>≤ 30</td> <td>500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>500mg/24h bổ sung 150mg sau lọc nếu dùng thuốc ≤ 6h trước lọc; hoặc 500mg x 3 lần/tuần sau lọc</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>0,5-1g/24h</td> </tr> <tr> <td>SLED</td> <td>1g/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph/1,73m <sup>2</sup> )	Liều dùng	> 30	1g/24h	≤ 30	500mg/24h	HD	500mg/24h bổ sung 150mg sau lọc nếu dùng thuốc ≤ 6h trước lọc; hoặc 500mg x 3 lần/tuần sau lọc	CAPD	500mg/24h	CRRT	0,5-1g/24h	SLED	1g/24h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 30</td> <td>1g/24h</td> </tr> <tr> <td>≤ 30</td> <td>0,5g/24h</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td>0,5 - 1g/24h</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td>0,5g/12h hoặc 1g/24h</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td>0,5g/12h hoặc 1g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>0,5g/24h, bổ sung 150mg sau lọc nếu đã dùng thuốc ≤ 6 giờ trước lọc; hoặc 0,5g x 3 lần/tuần sau lọc; hoặc 1g sau lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 30	1g/24h	≤ 30	0,5g/24h	CVVH	0,5 - 1g/24h	CVVHD	0,5g/12h hoặc 1g/24h	CVVHDF	0,5g/12h hoặc 1g/24h	HD	0,5g/24h, bổ sung 150mg sau lọc nếu đã dùng thuốc ≤ 6 giờ trước lọc; hoặc 0,5g x 3 lần/tuần sau lọc; hoặc 1g sau lọc	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 30</td> <td>1g/24h</td> </tr> <tr> <td>≤ 30</td> <td>0,5g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>500mg/24h + Dùng trước HD ≤ 6h: bổ sung 150mg sau lọc. + Dùng trước HD &gt; 6h: Không bổ sung.</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 30	1g/24h	≤ 30	0,5g/24h	HD	500mg/24h + Dùng trước HD ≤ 6h: bổ sung 150mg sau lọc. + Dùng trước HD > 6h: Không bổ sung.												
ClCr (ml/ph/1,73m <sup>2</sup> )	Liều dùng																																																			
> 30	1g/24h																																																			
≤ 30	500mg/24h																																																			
HD	500mg/24h bổ sung 150mg sau lọc nếu dùng thuốc ≤ 6h trước lọc; hoặc 500mg x 3 lần/tuần sau lọc																																																			
CAPD	500mg/24h																																																			
CRRT	0,5-1g/24h																																																			
SLED	1g/24h																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 30	1g/24h																																																			
≤ 30	0,5g/24h																																																			
CVVH	0,5 - 1g/24h																																																			
CVVHD	0,5g/12h hoặc 1g/24h																																																			
CVVHDF	0,5g/12h hoặc 1g/24h																																																			
HD	0,5g/24h, bổ sung 150mg sau lọc nếu đã dùng thuốc ≤ 6 giờ trước lọc; hoặc 0,5g x 3 lần/tuần sau lọc; hoặc 1g sau lọc																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 30	1g/24h																																																			
≤ 30	0,5g/24h																																																			
HD	500mg/24h + Dùng trước HD ≤ 6h: bổ sung 150mg sau lọc. + Dùng trước HD > 6h: Không bổ sung.																																																			

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																
Fluconazol	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liều đơn: không phải chỉnh liều</li> <li>- Đa liều: giữ nguyên liều đầu, liều sau hiệu chỉnh theo ClCr:</li> </ul> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng/ liều thông thường</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>&lt; 50, không HD</td> <td>50%</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr &lt; 50</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường	> 50	100%	< 50, không HD	50%	HD	+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr < 50	<p><b>ClCr (ml/ph)</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>Không phải chỉnh liều (100-400mg/24h)</td> </tr> <tr> <td>≤ 50</td> <td>50-200mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>50-200mg/24h (vào ngày không lọc), 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>50-200mg/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>Ít nhất 2 lần liều khuyến cáo</td> </tr> <tr> <td>SLED</td> <td>800mg sau đó 400mg/12h (hoặc trước/sau SLED)</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều (100-400mg/24h)	≤ 50	50-200mg/24h	HD	50-200mg/24h (vào ngày không lọc), 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	50-200mg/24h	CRRT	Ít nhất 2 lần liều khuyến cáo	SLED	800mg sau đó 400mg/12h (hoặc trước/sau SLED)	<p><i>Liều thông thường:</i></p> <p>100 - 400mg/24h. (LD = 2 x MD)</p> <p>Nhiễm khuẩn huyết do Candida:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ LD: 800mg (12mg/kg)</li> <li>+ MD: 400mg (6mg/kg)</li> </ul> <p><b>ClCr (ml/ph)</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng/ liều thông thường</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>50 - 100%</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>50%</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>BN lọc máu:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CVVH</td> <td>LD: 12mg/kg, MD: 3-6mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td>400-800mg/24h</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td>800mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>50-200mg/24h (ngày không lọc); 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường	> 50	100%	10 - 50	50 - 100%	< 10	50%	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	CVVH	LD: 12mg/kg, MD: 3-6mg/kg/24h	CVVHD	400-800mg/24h	CVVHDF	800mg/24h	HD	50-200mg/24h (ngày không lọc); 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liều đơn: không phải chỉnh liều</li> <li>- Đa liều: giữ nguyên liều đầu, liều sau hiệu chỉnh theo ClCr:</li> </ul> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng/ liều thông thường</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>&lt; 50, không HD</td> <td>50%</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr &lt; 50</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường	> 50	100%	< 50, không HD	50%	HD	+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr < 50
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường																																																			
> 50	100%																																																			
< 50, không HD	50%																																																			
HD	+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr < 50																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 50	Không phải chỉnh liều (100-400mg/24h)																																																			
≤ 50	50-200mg/24h																																																			
HD	50-200mg/24h (vào ngày không lọc), 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)																																																			
CAPD	50-200mg/24h																																																			
CRRT	Ít nhất 2 lần liều khuyến cáo																																																			
SLED	800mg sau đó 400mg/12h (hoặc trước/sau SLED)																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường																																																			
> 50	100%																																																			
10 - 50	50 - 100%																																																			
< 10	50%																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
CVVH	LD: 12mg/kg, MD: 3-6mg/kg/24h																																																			
CVVHD	400-800mg/24h																																																			
CVVHDF	800mg/24h																																																			
HD	50-200mg/24h (ngày không lọc); 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường																																																			
> 50	100%																																																			
< 50, không HD	50%																																																			
HD	+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr < 50																																																			
Fosfomycin	<p><b>Đường tiêm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Liều thông thường:</i></li> <li>+ Viêm màng não: 16 - 24g/24h (mỗi 6 - 8h).</li> <li>+ NK tiết niệu có biến chứng: 12 - 16g/24h (mỗi 8 - 12h).</li> <li>+ Các chỉ định còn lại: 12 - 24g/24h (mỗi 8 - 12h).</li> <li>- Liều đầu tiên: Không phải hiệu chỉnh, tối đa 8g.</li> </ul>	<p><b>Đường tiêm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Liều thông thường:</i></li> <li>+ Viêm màng não: 16 - 24g/24h (mỗi 6 - 8h).</li> <li>+ Các chỉ định khác: 12 - 24g/24h (mỗi 8 - 12h).</li> <li>- Liều đầu tiên: Không phải hiệu chỉnh, tối đa 8g.</li> <li>- Liều duy trì: Hiệu chỉnh theo tỷ lệ so với tổng liều trên BN có chức năng thận bình thường.</li> </ul>	<p><b>Đường tiêm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Liều thông thường:</i></li> <li>+ Viêm màng não: 16 - 24g/24h (mỗi 6 - 8h).</li> <li>+ Các chỉ định khác: 12 - 24g/24h (mỗi 8 - 12h).</li> <li>- Liều đầu tiên: Không phải hiệu chỉnh, tối đa 8g.</li> <li>- Liều duy trì: Hiệu chỉnh theo tỷ lệ so với tổng liều trên BN có chức năng thận bình thường.</li> </ul>	ND																																																

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																												
	<p>- Liều duy trì: Hiệu chỉnh theo tỷ lệ so với tổng liều trên BN có chức năng thận bình thường.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng/liều thông thường</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>40</td> <td>70% (chia 2 - 3 lần)</td> </tr> <tr> <td>30</td> <td>60% (chia 2 - 3 lần)</td> </tr> <tr> <td>20</td> <td>40% (chia 2 - 3 lần)</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>20% (chia 1 - 2 lần)</td> </tr> </tbody> </table> <p>- CVVH:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ pha loãng sau quả lọc: không phải chỉnh liều.</li> <li>+ pha loãng trước quả lọc: ND.</li> </ul> <p>- HD: 2g/48h (sau lọc)</p> <p><b>Đường uống:</b> ND.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	40	70% (chia 2 - 3 lần)	30	60% (chia 2 - 3 lần)	20	40% (chia 2 - 3 lần)	10	20% (chia 1 - 2 lần)	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng/ liều thông thường</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 40</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>&gt; 30 - 40</td> <td>70% (mỗi 8 - 12h)</td> </tr> <tr> <td>&gt; 20 - 30</td> <td>60% (mỗi 8 - 12h)</td> </tr> <tr> <td>&gt; 10 - 20</td> <td>40% (mỗi 8 - 12h)</td> </tr> <tr> <td>≤ 10</td> <td>20% (mỗi 12 - 24h)</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>2g/48h (sau lọc)</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td>Không phải chỉnh liều (dữ liệu hạn chế)</td> </tr> <tr> <td>SLED</td> <td>5g/8h hoặc liều dầu 8g, sau đó 5g sau SLED</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Đường uống:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ ClCr ≥ 10ml/ph: 3g/lần.</li> <li>+ ClCr &lt; 10ml/ph: tránh dùng.</li> </ul>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường	> 40	Không phải chỉnh liều	> 30 - 40	70% (mỗi 8 - 12h)	> 20 - 30	60% (mỗi 8 - 12h)	> 10 - 20	40% (mỗi 8 - 12h)	≤ 10	20% (mỗi 12 - 24h)	HD	2g/48h (sau lọc)	CVVH	Không phải chỉnh liều (dữ liệu hạn chế)	SLED	5g/8h hoặc liều dầu 8g, sau đó 5g sau SLED	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng/ liều thông thường</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 40 - 80</td> <td>Không phải chỉnh liều, nhưng cần theo dõi, đặc biệt khi liều gần mức tối đa.</td> </tr> <tr> <td>&gt; 30 - 40</td> <td>70% (chia 1 - 2 lần)</td> </tr> <tr> <td>&gt; 20 - 30</td> <td>60% (chia 1 - 2 lần)</td> </tr> <tr> <td>&gt; 10 - 20</td> <td>40% (chia 1 - 2 lần)</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>20% (chia 1 - 2 lần)</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td>Bù dịch sau màng: không phải chỉnh liều; Bù dịch trước màng: ND</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>2g/48h (Sau lọc)</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Đường uống:</b> ND</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường	> 40 - 80	Không phải chỉnh liều, nhưng cần theo dõi, đặc biệt khi liều gần mức tối đa.	> 30 - 40	70% (chia 1 - 2 lần)	> 20 - 30	60% (chia 1 - 2 lần)	> 10 - 20	40% (chia 1 - 2 lần)	10	20% (chia 1 - 2 lần)	CVVH	Bù dịch sau màng: không phải chỉnh liều; Bù dịch trước màng: ND	HD	2g/48h (Sau lọc)	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường																																															
40	70% (chia 2 - 3 lần)																																															
30	60% (chia 2 - 3 lần)																																															
20	40% (chia 2 - 3 lần)																																															
10	20% (chia 1 - 2 lần)																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường																																															
> 40	Không phải chỉnh liều																																															
> 30 - 40	70% (mỗi 8 - 12h)																																															
> 20 - 30	60% (mỗi 8 - 12h)																																															
> 10 - 20	40% (mỗi 8 - 12h)																																															
≤ 10	20% (mỗi 12 - 24h)																																															
HD	2g/48h (sau lọc)																																															
CVVH	Không phải chỉnh liều (dữ liệu hạn chế)																																															
SLED	5g/8h hoặc liều dầu 8g, sau đó 5g sau SLED																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường																																															
> 40 - 80	Không phải chỉnh liều, nhưng cần theo dõi, đặc biệt khi liều gần mức tối đa.																																															
> 30 - 40	70% (chia 1 - 2 lần)																																															
> 20 - 30	60% (chia 1 - 2 lần)																																															
> 10 - 20	40% (chia 1 - 2 lần)																																															
10	20% (chia 1 - 2 lần)																																															
CVVH	Bù dịch sau màng: không phải chỉnh liều; Bù dịch trước màng: ND																																															
HD	2g/48h (Sau lọc)																																															
Gentamicin	<p>- <i>Liều thông thường:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vói phác đồ dùng nhiều lần/ngày: 3mg/kg/ngày, chia 3 lần (5mg/kg/ngày chia làm 3-4 lần trong trường hợp NK nặng đe dọa tính mạng).</li> <li>+ Vói phác đồ dùng 1 lần/ngày: liều khởi đầu 5-7mg/kg, MD hiệu chỉnh theo nồng độ thuốc trong máu.</li> <li>- Đồi với BN suy thận, hiệu chỉnh bằng cách giữ nguyên liều và tăng khoảng cách đưa liều theo ClCr (ml/ph):</li> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ ClCr &gt; 70: 8h/lần</li> <li>+ ClCr 30-70: 12h/lần</li> <li>+ ClCr 10-29: 24h/lần</li> <li>+ ClCr 5-9: 48h/lần</li> </ul> </ul>	<p>- CAPD (chỉ cho viêm phúc mạc): 0,6mg/kg/24h, IP.</p> <p><b>Gram (-):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- ClCr &gt; 50ml/ph: 1,7-2mg/kg/8h.</li> <li>- ClCr 10-50ml/ph: 1,7-2mg/kg/12-24h.</li> <li>- ClCr &lt; 10ml/ph: 1,7-2mg/kg/48h.</li> <li>- HD: 1,7-2mg/kg/48h, bổ sung 0,85-1mg/kg sau lọc.</li> <li>- CRRT: 1,7-2mg/kg/24h.</li> <li>- SLED: 6mg/kg/48h (dùng 30 phút trước khi lọc).</li> </ul> <p><b>Gram (+):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- ClCr ≥ 60ml/ph: 1mg/kg/8h.</li> </ul>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 80</td> <td>7mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>60-79</td> <td>5mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>40-59</td> <td>4mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>30-39</td> <td>5mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>20-29</td> <td>4mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>10-19</td> <td>3mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>2,5mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>CVVH, CVVHD, CVVHDF</td> <td><b>Chế độ liều thấp:</b> 120mg hoặc 2,5-3,5mg/kg/48h, nên TDM (nêu sẵn có) <b>Chế độ liều cao:</b> 7mg/kg, cần TDM để xác định khoảng liều</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>1,7-2mg/kg/48h + 0,85-1mg/kg sau lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 80	7mg/kg/24h	60-79	5mg/kg/24h	40-59	4mg/kg/24h	30-39	5mg/kg/48h	20-29	4mg/kg/48h	10-19	3mg/kg/48h	< 10	2,5mg/kg/48h	CVVH, CVVHD, CVVHDF	<b>Chế độ liều thấp:</b> 120mg hoặc 2,5-3,5mg/kg/48h, nên TDM (nêu sẵn có) <b>Chế độ liều cao:</b> 7mg/kg, cần TDM để xác định khoảng liều	HD	1,7-2mg/kg/48h + 0,85-1mg/kg sau lọc	<p>- <i>Liều thông thường:</i> 3-5mg/kg/24h, chia 2-3 lần hoặc 4-7mg/kg/24h, IV.</p> <p><i>Liều dùng hiệu chỉnh theo ClCr (ml/ph) so với liều thông thường (%)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- ClCr &gt; 100: 100%</li> <li>- ClCr 70-100: 80%</li> <li>- ClCr 55-70: 65%</li> <li>- ClCr 45-55: 55%</li> <li>- ClCr 40-45: 50%</li> <li>- ClCr 35-40: 40%</li> <li>- ClCr 30-35: 35%</li> <li>- ClCr 25-30: 30%</li> <li>- ClCr 20-25: 25%</li> <li>- ClCr 15-20: 20%</li> <li>- ClCr 10-15: 15%</li> </ul>																								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 80	7mg/kg/24h																																															
60-79	5mg/kg/24h																																															
40-59	4mg/kg/24h																																															
30-39	5mg/kg/48h																																															
20-29	4mg/kg/48h																																															
10-19	3mg/kg/48h																																															
< 10	2,5mg/kg/48h																																															
CVVH, CVVHD, CVVHDF	<b>Chế độ liều thấp:</b> 120mg hoặc 2,5-3,5mg/kg/48h, nên TDM (nêu sẵn có) <b>Chế độ liều cao:</b> 7mg/kg, cần TDM để xác định khoảng liều																																															
HD	1,7-2mg/kg/48h + 0,85-1mg/kg sau lọc																																															

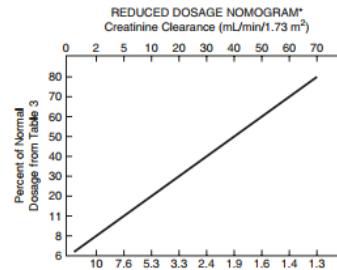
Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																																																							
	+ HD: 1-1,7mg/kg (dùng vào cuối mỗi phiên lọc máu)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ClCr 40-59ml/ph: 1mg/kg/12h.</li> <li>- ClCr 20-39ml/ph: 1mg/kg/24h.</li> <li>- ClCr &lt; 20ml/ph: 1mg/kg, sau đó chỉnh liều dựa vào nồng độ thuốc trong máu.</li> <li>- HD: 1mg/kg/48-72h, dùng sau lọc.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- ClCr &lt;10: 10%</li> <li>- HD: 1-1,7mg/kg, IV dùng sau lọc vào ngày lọc.</li> </ul>																																																																																																							
Imipenem + cilastatin	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nhiễm khuẩn</th> <th colspan="4">ClCr (ml/ph)</th> </tr> <tr> <th>90 - ≥ 60</th> <th>60 - ≥ 30</th> <th>30 - ≥ 15</th> <th>&lt; 15, HD</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>NK nghỉ ngò hoặc xác định do các chủng nhạy cảm</td> <td>0,4g/6h hoặc 0,5g/6h</td> <td>0,3g/6h hoặc 0,5g/8h</td> <td>0,2g /6h hoặc 0,5g /12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó</td> <td>0,2g /6h hoặc 0,5g /12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó</td> </tr> <tr> <td>NK nghỉ ngò hoặc xác định do các chủng nhạy trung gian</td> <td>0,75g /8h</td> <td>0,5g/6h</td> <td>0,5g /12h</td> <td>0,5g /12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó</td> </tr> </tbody> </table> <p>- CAPD: ND. Liều dùng tính theo imipenem</p>	Nhiễm khuẩn	ClCr (ml/ph)				90 - ≥ 60	60 - ≥ 30	30 - ≥ 15	< 15, HD	NK nghỉ ngò hoặc xác định do các chủng nhạy cảm	0,4g/6h hoặc 0,5g/6h	0,3g/6h hoặc 0,5g/8h	0,2g /6h hoặc 0,5g /12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó	0,2g /6h hoặc 0,5g /12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó	NK nghỉ ngò hoặc xác định do các chủng nhạy trung gian	0,75g /8h	0,5g/6h	0,5g /12h	0,5g /12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="2"><b>Nếu liều mục tiêu 500mg/6h</b></td> </tr> <tr> <td>≥ 90</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>60 - &lt; 90</td> <td>400mg/6h</td> </tr> <tr> <td>30 - &lt; 60</td> <td>300mg/6h</td> </tr> <tr> <td>15 - &lt; 30</td> <td>200mg/6h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>200mg/6h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td colspan="2"><b>Nếu liều mục tiêu 1g/8h</b></td> </tr> <tr> <td>≥ 90</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>60 - &lt; 90</td> <td>500mg/6h</td> </tr> <tr> <td>30 - &lt; 60</td> <td>500mg/8h</td> </tr> <tr> <td>15 - &lt; 30</td> <td>500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td colspan="2"><b>Nếu liều mục tiêu 1g/6h</b></td> </tr> <tr> <td>≥ 90</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>60 - &lt; 90</td> <td>750mg/8h</td> </tr> <tr> <td>30 - &lt; 60</td> <td>500mg/6h</td> </tr> <tr> <td>15 - &lt; 30</td> <td>500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td colspan="2"><b>CAPD: ND</b></td> </tr> <tr> <td colspan="2"><b>CRRT: 0,5-1g/6h</b></td> </tr> <tr> <td colspan="2"><b>Liều dùng tính theo imipenem</b></td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	<b>Nếu liều mục tiêu 500mg/6h</b>		≥ 90	Không phải chỉnh liều	60 - < 90	400mg/6h	30 - < 60	300mg/6h	15 - < 30	200mg/6h	HD	200mg/6h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	<b>Nếu liều mục tiêu 1g/8h</b>		≥ 90	Không phải chỉnh liều	60 - < 90	500mg/6h	30 - < 60	500mg/8h	15 - < 30	500mg/12h	HD	500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	<b>Nếu liều mục tiêu 1g/6h</b>		≥ 90	Không phải chỉnh liều	60 - < 90	750mg/8h	30 - < 60	500mg/6h	15 - < 30	500mg/12h	HD	500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	<b>CAPD: ND</b>		<b>CRRT: 0,5-1g/6h</b>		<b>Liều dùng tính theo imipenem</b>		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 90</td> <td>0,5g/6h hoặc 1g/8h VK nhạy cảm trung bình: 1g/6h</td> </tr> <tr> <td>60-89</td> <td>0,5g/6h VK nhạy cảm trung bình: 0,75g/8h</td> </tr> <tr> <td>30-59</td> <td>0,5g/8h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/6h</td> </tr> <tr> <td>15-29</td> <td>0,2g/6h hoặc 0,5g/12h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 15, không lọc máu</td> <td>Không khuyến cáo sử dụng</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td>0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td>0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td>0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 90	0,5g/6h hoặc 1g/8h VK nhạy cảm trung bình: 1g/6h	60-89	0,5g/6h VK nhạy cảm trung bình: 0,75g/8h	30-59	0,5g/8h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/6h	15-29	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/12h	< 15, không lọc máu	Không khuyến cáo sử dụng	CVVH	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)	CVVHD	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)	CVVHDF	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)	HD	0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>≥ 90</th> <th>&lt; 90- ≥ 60</th> <th>&lt; 60- ≥ 30</th> <th>&lt; 30- ≥ 15</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>NK nghỉ ngò/dã được xác nhận do VK nhạy cảm</td> <td>0,5g/6h hoặc 1g/8h</td> <td>0,4g/6h hoặc 0,5g/6h</td> <td>0,3g/6h hoặc 0,5g/8h</td> <td>0,2g/6h hoặc 0,5g/12h</td> </tr> <tr> <td>NK nghỉ ngò/dã được xác nhận do VK nhạy cảm trung bình</td> <td>1g/6h</td> <td>0,75g/8h</td> <td>0,5g/6h</td> <td>0,5g/12h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>0,2g/6h hoặc 0,5g/12h, dùng sau lọc vào ngày lọc</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Liều dùng tính theo imipenem</b></p>	ClCr (ml/ph)	≥ 90	< 90- ≥ 60	< 60- ≥ 30	< 30- ≥ 15	NK nghỉ ngò/dã được xác nhận do VK nhạy cảm	0,5g/6h hoặc 1g/8h	0,4g/6h hoặc 0,5g/6h	0,3g/6h hoặc 0,5g/8h	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h	NK nghỉ ngò/dã được xác nhận do VK nhạy cảm trung bình	1g/6h	0,75g/8h	0,5g/6h	0,5g/12h	HD	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h, dùng sau lọc vào ngày lọc			
Nhiễm khuẩn	ClCr (ml/ph)																																																																																																										
	90 - ≥ 60	60 - ≥ 30	30 - ≥ 15	< 15, HD																																																																																																							
NK nghỉ ngò hoặc xác định do các chủng nhạy cảm	0,4g/6h hoặc 0,5g/6h	0,3g/6h hoặc 0,5g/8h	0,2g /6h hoặc 0,5g /12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó	0,2g /6h hoặc 0,5g /12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó																																																																																																							
NK nghỉ ngò hoặc xác định do các chủng nhạy trung gian	0,75g /8h	0,5g/6h	0,5g /12h	0,5g /12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó																																																																																																							
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																										
<b>Nếu liều mục tiêu 500mg/6h</b>																																																																																																											
≥ 90	Không phải chỉnh liều																																																																																																										
60 - < 90	400mg/6h																																																																																																										
30 - < 60	300mg/6h																																																																																																										
15 - < 30	200mg/6h																																																																																																										
HD	200mg/6h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																																																										
<b>Nếu liều mục tiêu 1g/8h</b>																																																																																																											
≥ 90	Không phải chỉnh liều																																																																																																										
60 - < 90	500mg/6h																																																																																																										
30 - < 60	500mg/8h																																																																																																										
15 - < 30	500mg/12h																																																																																																										
HD	500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																																																										
<b>Nếu liều mục tiêu 1g/6h</b>																																																																																																											
≥ 90	Không phải chỉnh liều																																																																																																										
60 - < 90	750mg/8h																																																																																																										
30 - < 60	500mg/6h																																																																																																										
15 - < 30	500mg/12h																																																																																																										
HD	500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																																																										
<b>CAPD: ND</b>																																																																																																											
<b>CRRT: 0,5-1g/6h</b>																																																																																																											
<b>Liều dùng tính theo imipenem</b>																																																																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																										
≥ 90	0,5g/6h hoặc 1g/8h VK nhạy cảm trung bình: 1g/6h																																																																																																										
60-89	0,5g/6h VK nhạy cảm trung bình: 0,75g/8h																																																																																																										
30-59	0,5g/8h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/6h																																																																																																										
15-29	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/12h																																																																																																										
< 15, không lọc máu	Không khuyến cáo sử dụng																																																																																																										
CVVH	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)																																																																																																										
CVVHD	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)																																																																																																										
CVVHDF	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)																																																																																																										
HD	0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																																																										
ClCr (ml/ph)	≥ 90	< 90- ≥ 60	< 60- ≥ 30	< 30- ≥ 15																																																																																																							
NK nghỉ ngò/dã được xác nhận do VK nhạy cảm	0,5g/6h hoặc 1g/8h	0,4g/6h hoặc 0,5g/6h	0,3g/6h hoặc 0,5g/8h	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h																																																																																																							
NK nghỉ ngò/dã được xác nhận do VK nhạy cảm trung bình	1g/6h	0,75g/8h	0,5g/6h	0,5g/12h																																																																																																							
HD	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h, dùng sau lọc vào ngày lọc																																																																																																										

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																			
Itraconazol	<p>- Suy gan, thận: Nên thận trọng</p> <p><b>Đường tiêm:</b> Chống chỉ định ClCr &lt; 30ml/ph.</p>	<p><b>- Đường uống:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Suy thận, HD, CAPD: không phải chỉnh liều.</li> <li>+ CRRT: ND</li> </ul> <p><b>- Đường tiêm:</b> ClCr &lt; 30ml/ph: Tránh sử dụng.</p>	<p><b>- Đường uống:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Suy thận: Không phải chỉnh liều (100 - 200mg/12 - 24h).</li> <li>+ CVVH/ CVVHD/ CVVHDF: LD 200mg/12h (4 liều), MD 200mg/24h.</li> <li>+ HD: LD 200mg/12h (4 liều), MD 100mg/12 - 24h.</li> </ul> <p><b>- Đường tiêm:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>Ngày 1 và 2: 200mg/12h Từ ngày thứ 3 trở đi: 200mg/12-24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 30</td> <td>Khuyến cáo không dùng</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td>Không dùng khi ClCr &lt; 30</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td>Không dùng khi ClCr &lt; 30</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td>Không dùng khi ClCr &lt; 30</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>Không dùng khi ClCr &lt; 30</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	Ngày 1 và 2: 200mg/12h Từ ngày thứ 3 trở đi: 200mg/12-24h	< 30	Khuyến cáo không dùng	CVVH	Không dùng khi ClCr < 30	CVVHD	Không dùng khi ClCr < 30	CVVHDF	Không dùng khi ClCr < 30	HD	Không dùng khi ClCr < 30	ND																																																					
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																						
≥ 30	Ngày 1 và 2: 200mg/12h Từ ngày thứ 3 trở đi: 200mg/12-24h																																																																						
< 30	Khuyến cáo không dùng																																																																						
CVVH	Không dùng khi ClCr < 30																																																																						
CVVHD	Không dùng khi ClCr < 30																																																																						
CVVHDF	Không dùng khi ClCr < 30																																																																						
HD	Không dùng khi ClCr < 30																																																																						
Levofloxacin	<p>Giữ nguyên liều đầu, các liều tiếp theo hiệu chỉnh theo chế độ liều và ClCr:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>250mg /24h</th> <th>500mg /24h</th> <th>500mg /12h</th> <th>750mg /24h</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>20 - 50</td> <td>125mg /24h</td> <td>250mg /24h</td> <td>250mg /12h</td> <td>750mg /48h</td> </tr> <tr> <td>10 - 19</td> <td>125mg /48h</td> <td>125mg /24h hoặc 250mg /48h</td> <td>125mg /12h</td> <td rowspan="2">500mg /48h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10 (kết hợp HD và CAPD)</td> <td></td> <td></td> <td>125mg /24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	250mg /24h	500mg /24h	500mg /12h	750mg /24h	20 - 50	125mg /24h	250mg /24h	250mg /12h	750mg /48h	10 - 19	125mg /48h	125mg /24h hoặc 250mg /48h	125mg /12h	500mg /48h	< 10 (kết hợp HD và CAPD)			125mg /24h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>Không phải chỉnh liều (250 - 750mg/24h)</td> </tr> <tr> <td>20 - 49</td> <td>750mg/48h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 20</td> <td rowspan="4">750mg, sau đó 500mg/48h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td></td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td></td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều (250 - 750mg/24h)	20 - 49	750mg/48h	< 20	750mg, sau đó 500mg/48h	HD		CAPD		CRRT		<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>750mg/24h hoặc 500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>20 - 49</td> <td>750mg/48h hoặc 500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 20</td> <td>LD: 750mg, MD: 500mg/48h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>LD: 750mg, MD: 500mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td rowspan="3">LD: 500 - 750mg, MD: 250-500mg/24h</td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td></td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	750mg/24h hoặc 500mg/12h	20 - 49	750mg/48h hoặc 500mg/24h	< 20	LD: 750mg, MD: 500mg/48h	HD	LD: 750mg, MD: 500mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CVVH	LD: 500 - 750mg, MD: 250-500mg/24h	CVVHD		CVVHDF		<p>Giữ nguyên liều đầu, các liều tiếp hiệu chỉnh theo chế độ liều và ClCr:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Liều thông thường</th> <th>ClCr (ml/ph)</th> </tr> <tr> <th></th> <th>20-49</th> <th>10-19</th> <th>HD hoặc CAPD</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>750mg /24h</td> <td>750mg /48h</td> <td>500mg /48h</td> <td>500mg /48h</td> </tr> <tr> <td>500mg /24h</td> <td>250mg /24h</td> <td>250mg /48h</td> <td>250mg /48h</td> </tr> <tr> <td>250mg /24h</td> <td>250mg /24h</td> <td>250mg /48h</td> <td>ND</td> </tr> </tbody> </table>	Liều thông thường	ClCr (ml/ph)		20-49	10-19	HD hoặc CAPD	750mg /24h	750mg /48h	500mg /48h	500mg /48h	500mg /24h	250mg /24h	250mg /48h	250mg /48h	250mg /24h	250mg /24h	250mg /48h	ND
ClCr (ml/ph)	250mg /24h	500mg /24h	500mg /12h	750mg /24h																																																																			
20 - 50	125mg /24h	250mg /24h	250mg /12h	750mg /48h																																																																			
10 - 19	125mg /48h	125mg /24h hoặc 250mg /48h	125mg /12h	500mg /48h																																																																			
< 10 (kết hợp HD và CAPD)			125mg /24h																																																																				
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																						
> 50	Không phải chỉnh liều (250 - 750mg/24h)																																																																						
20 - 49	750mg/48h																																																																						
< 20	750mg, sau đó 500mg/48h																																																																						
HD																																																																							
CAPD																																																																							
CRRT																																																																							
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																						
> 50	750mg/24h hoặc 500mg/12h																																																																						
20 - 49	750mg/48h hoặc 500mg/24h																																																																						
< 20	LD: 750mg, MD: 500mg/48h																																																																						
HD	LD: 750mg, MD: 500mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																						
CVVH	LD: 500 - 750mg, MD: 250-500mg/24h																																																																						
CVVHD																																																																							
CVVHDF																																																																							
Liều thông thường	ClCr (ml/ph)																																																																						
	20-49	10-19	HD hoặc CAPD																																																																				
750mg /24h	750mg /48h	500mg /48h	500mg /48h																																																																				
500mg /24h	250mg /24h	250mg /48h	250mg /48h																																																																				
250mg /24h	250mg /24h	250mg /48h	ND																																																																				

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																								
Linezolid	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liều thông thường: 600mg/12h.</li> <li>- Không phải chỉnh liều ở BN suy thận.</li> <li>- HD: không phải chỉnh liều, dùng ngay sau lọc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liều thông thường: 600mg/12h.</li> <li>- Không phải chỉnh liều ở BN suy thận.</li> <li>- HD: không phải chỉnh liều, dùng sau lọc.</li> <li>- CAPD/ CRRT: không phải chỉnh liều.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liều thông thường: 600mg/12h.</li> <li>- Không phải chỉnh liều ở BN suy thận.</li> <li>- CVVH/CVVHD/CVVHDF: 600mg/8 - 12h.</li> <li>- HD: 600mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc).</li> </ul>	Không phải chỉnh liều.																																																								
Meropenem	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>Không phải chỉnh liều: 0,5-2g/8h</td> </tr> <tr> <td>26-50</td> <td>Liều thông thường mỗi 12h</td> </tr> <tr> <td>10-25</td> <td>½ liều thông thường mỗi 12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>½ liều thông thường mỗi 24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều: 0,5-2g/8h	26-50	Liều thông thường mỗi 12h	10-25	½ liều thông thường mỗi 12h	< 10	½ liều thông thường mỗi 24h	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>1g/8h</td> </tr> <tr> <td>26-50</td> <td>1g/12h</td> </tr> <tr> <td>10-25</td> <td>0,5g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,5g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>0,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>0,5g/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>CVVH, CVVHD: 0,75-1g/8h</td> </tr> <tr> <td>SLED</td> <td>1g/8-12h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1g/8h	26-50	1g/12h	10-25	0,5g/12h	< 10	0,5g/24h	HD	0,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	0,5g/24h	CRRT	CVVH, CVVHD: 0,75-1g/8h	SLED	1g/8-12h	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>1g/8h</td> </tr> <tr> <td>25-50</td> <td>1g/12h</td> </tr> <tr> <td>10-25</td> <td>0,5g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,5g/24h</td> </tr> <tr> <td>CVVH</td> <td><b>UF: 20ml/kg/h: 1g/12h</b> <b>UF: 35 ml/kg/h: 1g/8h</b></td> </tr> <tr> <td>CVVHD</td> <td><b>Qd: 20-25ml/kg/h: 2g/12h</b> hoặc LD: 1g, MD: 0,5g/8h hoặc LD: 1g, MD: 1g/12h <b>Qd: 30ml/kg/h: 2g/8h</b> hoặc LD: 2g, MD: 1g/8h hoặc LD: 2g, MD: 3g/24h (truyền liên tục)</td> </tr> <tr> <td>CVVHDF</td> <td>0,5-1g/8h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>0,5-1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1g/8h	25-50	1g/12h	10-25	0,5g/12h	< 10	0,5g/24h	CVVH	<b>UF: 20ml/kg/h: 1g/12h</b> <b>UF: 35 ml/kg/h: 1g/8h</b>	CVVHD	<b>Qd: 20-25ml/kg/h: 2g/12h</b> hoặc LD: 1g, MD: 0,5g/8h hoặc LD: 1g, MD: 1g/12h <b>Qd: 30ml/kg/h: 2g/8h</b> hoặc LD: 2g, MD: 1g/8h hoặc LD: 2g, MD: 3g/24h (truyền liên tục)	CVVHDF	0,5-1g/8h	HD	0,5-1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>0,5-1g/8h</td> </tr> <tr> <td>26-50</td> <td>0,5-1g/12h</td> </tr> <tr> <td>10-25</td> <td>0,25-0,5g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>0,5-1g/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,5-1g/8h	26-50	0,5-1g/12h	10-25	0,25-0,5g/12h	< 10	0,5-1g/24h
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
> 50	Không phải chỉnh liều: 0,5-2g/8h																																																											
26-50	Liều thông thường mỗi 12h																																																											
10-25	½ liều thông thường mỗi 12h																																																											
< 10	½ liều thông thường mỗi 24h																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
> 50	1g/8h																																																											
26-50	1g/12h																																																											
10-25	0,5g/12h																																																											
< 10	0,5g/24h																																																											
HD	0,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																											
CAPD	0,5g/24h																																																											
CRRT	CVVH, CVVHD: 0,75-1g/8h																																																											
SLED	1g/8-12h																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
> 50	1g/8h																																																											
25-50	1g/12h																																																											
10-25	0,5g/12h																																																											
< 10	0,5g/24h																																																											
CVVH	<b>UF: 20ml/kg/h: 1g/12h</b> <b>UF: 35 ml/kg/h: 1g/8h</b>																																																											
CVVHD	<b>Qd: 20-25ml/kg/h: 2g/12h</b> hoặc LD: 1g, MD: 0,5g/8h hoặc LD: 1g, MD: 1g/12h <b>Qd: 30ml/kg/h: 2g/8h</b> hoặc LD: 2g, MD: 1g/8h hoặc LD: 2g, MD: 3g/24h (truyền liên tục)																																																											
CVVHDF	0,5-1g/8h																																																											
HD	0,5-1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
> 50	0,5-1g/8h																																																											
26-50	0,5-1g/12h																																																											
10-25	0,25-0,5g/12h																																																											
< 10	0,5-1g/24h																																																											
Metronidazol	ND	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 10</td> <td>500mg/6h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>500mg/12h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>500mg/12h (dùng sau lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 10	500mg/6h	< 10	500mg/12h	HD	500mg/12h (dùng sau lọc)	CAPD	Không phải chỉnh liều	CRRT	Không phải chỉnh liều	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 10</td> <td>7,5mg/kg/6h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>7,5mg/kg/12h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 10	7,5mg/kg/6h	< 10	7,5mg/kg/12h	Không phải chỉnh liều.																																						
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
≥ 10	500mg/6h																																																											
< 10	500mg/12h																																																											
HD	500mg/12h (dùng sau lọc)																																																											
CAPD	Không phải chỉnh liều																																																											
CRRT	Không phải chỉnh liều																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
> 10	7,5mg/kg/6h																																																											
< 10	7,5mg/kg/12h																																																											
Moxifloxacin	Không phải chỉnh liều (400mg/24h).	Không phải chỉnh liều (400mg/24h).	Không phải chỉnh liều (400mg/24h).	Không phải chỉnh liều.																																																								

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																																																					
Ofloxacin	Giữ nguyên liều đầu, các liều tiếp theo hiệu chỉnh theo ClCr (ml/ph): <ul style="list-style-type: none"> <li>- ClCr 20 - 50: Liều thông thường/24h.</li> <li>- ClCr &lt; 20: ½ liều thông thường/24h.</li> </ul>	<b>Đường tiêm:</b> ND <b>Đường uống:</b> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>Không phải chỉnh liều (200 - 400mg/12h)</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>200 - 400mg/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>200mg/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>200mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>200mg/24h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>200 - 400mg/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều (200 - 400mg/12h)	10 - 50	200 - 400mg/24h	< 10	200mg/24h	HD	200mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	200mg/24h	CRRT	200 - 400mg/24h	ND	<b>Đường tiêm:</b> ND <b>Đường uống:</b> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>20 - 50</td> <td>200 - 400mg/24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 20</td> <td>100 - 200mg/24h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	20 - 50	200 - 400mg/24h	< 20	100 - 200mg/24h																																																																																	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																								
> 50	Không phải chỉnh liều (200 - 400mg/12h)																																																																																																								
10 - 50	200 - 400mg/24h																																																																																																								
< 10	200mg/24h																																																																																																								
HD	200mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																																																								
CAPD	200mg/24h																																																																																																								
CRRT	200 - 400mg/24h																																																																																																								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																								
20 - 50	200 - 400mg/24h																																																																																																								
< 20	100 - 200mg/24h																																																																																																								
Piperacillin + tazobactam	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Các chỉ định ngoại trừ HAP</th> <th>HAP</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>20 - 40</td> <td>2,25g/6h</td> <td>3,375g/6h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 20</td> <td>2,25g/8h</td> <td>2,25g/6h</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">HD</td> <td>2,25g/12h</td> <td>2,25g/8h</td> </tr> <tr> <td>+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc</td> <td></td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>2,25g/12h</td> <td>2,25g/8h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Các chỉ định ngoại trừ HAP	HAP	20 - 40	2,25g/6h	3,375g/6h	< 20	2,25g/8h	2,25g/6h	HD	2,25g/12h	2,25g/8h	+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc		CAPD	2,25g/12h	2,25g/8h	<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">ClCr (ml/ph)</th> <th rowspan="2">Truyền kéo dài</th> <th colspan="2">Truyền ngắt quãng</th> </tr> <tr> <th>HAP</th> <th>Các chỉ định khác</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 40</td> <td>4,5g/8h (truyền 4h)</td> <td>4,5g/6h</td> <td>3,375g/6h</td> </tr> <tr> <td>20 - 40</td> <td></td> <td>3,375g/6h</td> <td>2,25g/6h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 20</td> <td>4,5g/12h (truyền 4h)</td> <td>2,25g/6h</td> <td>2,25g/8h</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">HD</td> <td>4,5g/12h (truyền 4h)</td> <td>2,25g/8h</td> <td>2,25g/12h</td> </tr> <tr> <td>+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>ND</td> <td>2,25g/8h</td> <td>2,25g/12h</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>3,375 - 4,5g/8h (truyền 4h)</td> <td>3,375 - 4,5g/6h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>SLED</td> <td>ND</td> <td>4,5g/8h</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Truyền kéo dài	Truyền ngắt quãng		HAP	Các chỉ định khác	> 40	4,5g/8h (truyền 4h)	4,5g/6h	3,375g/6h	20 - 40		3,375g/6h	2,25g/6h	< 20	4,5g/12h (truyền 4h)	2,25g/6h	2,25g/8h	HD	4,5g/12h (truyền 4h)	2,25g/8h	2,25g/12h	+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc			CAPD	ND	2,25g/8h	2,25g/12h	CRRT	3,375 - 4,5g/8h (truyền 4h)	3,375 - 4,5g/6h		SLED	ND	4,5g/8h		<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng (không hướng đến TKMX)</th> <th>Liều dùng (hướng đến TKMX)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 40</td> <td>4,5g/8h</td> <td>4,5g/6h</td> </tr> <tr> <td>20 - 40</td> <td>2,25g/6h</td> <td>4,5g/8h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 20</td> <td>2,25g/8h</td> <td>4,5g/12h</td> </tr> <tr> <td rowspan="3">CV VH</td> <td>≤ 10</td> <td>4,5g/8h (truyền trong 4h)</td> </tr> <tr> <td>&gt; 10 - 50</td> <td>4,5g/6h (truyền trong 4h)</td> </tr> <tr> <td>&gt; 50 - 100</td> <td>4,5g/4h (truyền trong 4h) hoặc 13,5g/24h (truyền liên tục)</td> </tr> <tr> <td>CVVHD/ CVVHDF</td> <td>4,5g/6h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>2,25g mỗi 8-12h + 0,75g sau lọc</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng (không hướng đến TKMX)	Liều dùng (hướng đến TKMX)	> 40	4,5g/8h	4,5g/6h	20 - 40	2,25g/6h	4,5g/8h	< 20	2,25g/8h	4,5g/12h	CV VH	≤ 10	4,5g/8h (truyền trong 4h)	> 10 - 50	4,5g/6h (truyền trong 4h)	> 50 - 100	4,5g/4h (truyền trong 4h) hoặc 13,5g/24h (truyền liên tục)	CVVHD/ CVVHDF	4,5g/6h		HD	2,25g mỗi 8-12h + 0,75g sau lọc		<table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">ClCr (ml/ph)</th> <th colspan="2">Truyền ngắt quãng</th> </tr> <tr> <th>HAP</th> <th>Các chỉ định khác</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 40</td> <td>4,5g/6h</td> <td>3,375g/6h</td> </tr> <tr> <td>20 - 40</td> <td>3,375g/6h</td> <td>2,25g/6h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 20</td> <td>2,25g/6h</td> <td>2,25g/8h</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">HD</td> <td>2,25g/8h</td> <td>2,25g/12h</td> </tr> <tr> <td>+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc</td> <td></td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>2,25g/8h</td> <td>2,25g/12h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Truyền ngắt quãng		HAP	Các chỉ định khác	> 40	4,5g/6h	3,375g/6h	20 - 40	3,375g/6h	2,25g/6h	< 20	2,25g/6h	2,25g/8h	HD	2,25g/8h	2,25g/12h	+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc		CAPD	2,25g/8h	2,25g/12h
ClCr (ml/ph)	Các chỉ định ngoại trừ HAP	HAP																																																																																																							
20 - 40	2,25g/6h	3,375g/6h																																																																																																							
< 20	2,25g/8h	2,25g/6h																																																																																																							
HD	2,25g/12h	2,25g/8h																																																																																																							
	+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc																																																																																																								
CAPD	2,25g/12h	2,25g/8h																																																																																																							
ClCr (ml/ph)	Truyền kéo dài	Truyền ngắt quãng																																																																																																							
		HAP	Các chỉ định khác																																																																																																						
> 40	4,5g/8h (truyền 4h)	4,5g/6h	3,375g/6h																																																																																																						
20 - 40		3,375g/6h	2,25g/6h																																																																																																						
< 20	4,5g/12h (truyền 4h)	2,25g/6h	2,25g/8h																																																																																																						
HD	4,5g/12h (truyền 4h)	2,25g/8h	2,25g/12h																																																																																																						
	+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc																																																																																																								
CAPD	ND	2,25g/8h	2,25g/12h																																																																																																						
CRRT	3,375 - 4,5g/8h (truyền 4h)	3,375 - 4,5g/6h																																																																																																							
SLED	ND	4,5g/8h																																																																																																							
ClCr (ml/ph)	Liều dùng (không hướng đến TKMX)	Liều dùng (hướng đến TKMX)																																																																																																							
> 40	4,5g/8h	4,5g/6h																																																																																																							
20 - 40	2,25g/6h	4,5g/8h																																																																																																							
< 20	2,25g/8h	4,5g/12h																																																																																																							
CV VH	≤ 10	4,5g/8h (truyền trong 4h)																																																																																																							
	> 10 - 50	4,5g/6h (truyền trong 4h)																																																																																																							
	> 50 - 100	4,5g/4h (truyền trong 4h) hoặc 13,5g/24h (truyền liên tục)																																																																																																							
CVVHD/ CVVHDF	4,5g/6h																																																																																																								
HD	2,25g mỗi 8-12h + 0,75g sau lọc																																																																																																								
ClCr (ml/ph)	Truyền ngắt quãng																																																																																																								
	HAP	Các chỉ định khác																																																																																																							
> 40	4,5g/6h	3,375g/6h																																																																																																							
20 - 40	3,375g/6h	2,25g/6h																																																																																																							
< 20	2,25g/6h	2,25g/8h																																																																																																							
HD	2,25g/8h	2,25g/12h																																																																																																							
	+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc																																																																																																								
CAPD	2,25g/8h	2,25g/12h																																																																																																							

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																											
Co-trimoxazol	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>15-30</td> <td>Giảm nửa liều thông thường</td> </tr> <tr> <td>&lt; 15</td> <td>Tránh dùng</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	15-30	Giảm nửa liều thông thường	< 15	Tránh dùng	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Điều trị</th> <th>Dụ phòng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>≥ 30</td> <td>5-20mg/kg/24h (chia 6-12h), PO/IV</td> <td>160mg/24h, PO hoặc 3 lần/tuần</td> </tr> <tr> <td>10-29</td> <td>5-10mg/kg/24h (chia 12h)</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>&lt;10</td> <td>Không khuyến cáo (nếu sử dụng: 5-10mg/kg/24h, HD: dùng sau lọc vào ngày lọc)</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td></td> <td>ND</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>5mg/kg/8h</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Liều dùng được tính theo trimethoprim.</p>	ClCr (ml/ph)	Điều trị	Dụ phòng	≥ 30	5-20mg/kg/24h (chia 6-12h), PO/IV	160mg/24h, PO hoặc 3 lần/tuần	10-29	5-10mg/kg/24h (chia 12h)	Không phải chỉnh liều	<10	Không khuyến cáo (nếu sử dụng: 5-10mg/kg/24h, HD: dùng sau lọc vào ngày lọc)	Không phải chỉnh liều	HD			CAPD		ND	CRRT	5mg/kg/8h		<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>ND</td> <td>80-160mg/12-24h, PO</td> </tr> <tr> <td>CVVH, CVVHD, CVVHDF</td> <td>2,5-7,5mg/kg mỗi 12h. Cần nhắc thêm dựa trên loại NK và cẩn nguyên gây bệnh</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>2,5-10mg/kg mỗi 24h hoặc 5-20mg/kg, 3 lần/tuần (sau lọc)</td> </tr> </tbody> </table> <p>Liều dùng được tính theo trimethoprim.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	ND	80-160mg/12-24h, PO	CVVH, CVVHD, CVVHDF	2,5-7,5mg/kg mỗi 12h. Cần nhắc thêm dựa trên loại NK và cẩn nguyên gây bệnh	HD	2,5-10mg/kg mỗi 24h hoặc 5-20mg/kg, 3 lần/tuần (sau lọc)	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 30</td> <td>PO: 160mg/12h IV: +Viêm phổi do <i>Pneumocytis jirovecii</i>: 5mg/kg/6-8h. + NK đường tiêu niệu nặng và bệnh shigellosis: 8-10mg/kg/24h (chia 2-4 lần)</td> </tr> <tr> <td>15-30</td> <td>½ liều thông thường</td> </tr> <tr> <td>&lt; 15</td> <td>Không khuyến cáo sử dụng</td> </tr> </tbody> </table> <p>Liều dùng được tính theo trimethoprim.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 30	PO: 160mg/12h IV: +Viêm phổi do <i>Pneumocytis jirovecii</i> : 5mg/kg/6-8h. + NK đường tiêu niệu nặng và bệnh shigellosis: 8-10mg/kg/24h (chia 2-4 lần)	15-30	½ liều thông thường	< 15	Không khuyến cáo sử dụng
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																														
15-30	Giảm nửa liều thông thường																																														
< 15	Tránh dùng																																														
ClCr (ml/ph)	Điều trị	Dụ phòng																																													
≥ 30	5-20mg/kg/24h (chia 6-12h), PO/IV	160mg/24h, PO hoặc 3 lần/tuần																																													
10-29	5-10mg/kg/24h (chia 12h)	Không phải chỉnh liều																																													
<10	Không khuyến cáo (nếu sử dụng: 5-10mg/kg/24h, HD: dùng sau lọc vào ngày lọc)	Không phải chỉnh liều																																													
HD																																															
CAPD		ND																																													
CRRT	5mg/kg/8h																																														
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																														
ND	80-160mg/12-24h, PO																																														
CVVH, CVVHD, CVVHDF	2,5-7,5mg/kg mỗi 12h. Cần nhắc thêm dựa trên loại NK và cẩn nguyên gây bệnh																																														
HD	2,5-10mg/kg mỗi 24h hoặc 5-20mg/kg, 3 lần/tuần (sau lọc)																																														
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																														
> 30	PO: 160mg/12h IV: +Viêm phổi do <i>Pneumocytis jirovecii</i> : 5mg/kg/6-8h. + NK đường tiêu niệu nặng và bệnh shigellosis: 8-10mg/kg/24h (chia 2-4 lần)																																														
15-30	½ liều thông thường																																														
< 15	Không khuyến cáo sử dụng																																														
Ticarcillin + acid clavulanic	<p>Sử dụng liều ban đầu 3g (tính theo ticarcillin), sau đó điều chỉnh liều duy trì ở người lớn có suy thận như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 60</td> <td>Không phải chỉnh liều</td> </tr> <tr> <td>30 - 60</td> <td>2g/4h</td> </tr> <tr> <td>10 - 29</td> <td>2g/8h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>2g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10 có kèm rối loạn chức năng gan</td> <td>2g/24h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>2g/12h + 3g sau mỗi lần lọc</td> </tr> <tr> <td>CAPD</td> <td>3g/12h</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	Không phải chỉnh liều	30 - 60	2g/4h	10 - 29	2g/8h	< 10	2g/12h	< 10 có kèm rối loạn chức năng gan	2g/24h	HD	2g/12h + 3g sau mỗi lần lọc	CAPD	3g/12h	 <p>ND</p>	<p>ND</p>	<p>Sử dụng liều ban đầu 3,1g sau đó điều chỉnh liều duy trì ở người lớn có suy thận như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 60</td> <td>3,1g/4h</td> </tr> <tr> <td>30 - 60</td> <td>2g/4h</td> </tr> <tr> <td>10 - 30</td> <td>2g/8h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>2g/12h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10 và suy giảm chức năng gan</td> <td>2g/24h</td> </tr> <tr> <td>PD</td> <td>3,1g/12h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>2g/12h + 3,1g sau mỗi phiên lọc</td> </tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	3,1g/4h	30 - 60	2g/4h	10 - 30	2g/8h	< 10	2g/12h	< 10 và suy giảm chức năng gan	2g/24h	PD	3,1g/12h	HD	2g/12h + 3,1g sau mỗi phiên lọc											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																														
> 60	Không phải chỉnh liều																																														
30 - 60	2g/4h																																														
10 - 29	2g/8h																																														
< 10	2g/12h																																														
< 10 có kèm rối loạn chức năng gan	2g/24h																																														
HD	2g/12h + 3g sau mỗi lần lọc																																														
CAPD	3g/12h																																														
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																														
> 60	3,1g/4h																																														
30 - 60	2g/4h																																														
10 - 30	2g/8h																																														
< 10	2g/12h																																														
< 10 và suy giảm chức năng gan	2g/24h																																														
PD	3,1g/12h																																														
HD	2g/12h + 3,1g sau mỗi phiên lọc																																														

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																																	
Tinidazol	<p>- <b>Đường uống:</b> + Suy thận: ND + BN lọc máu: bổ sung <math>\frac{1}{2}</math> liều khuyến cáo sau lọc nếu dùng thuốc trong ngày lọc.</p> <p>- <b>Đường tiêm:</b> ND</p>	<p>- <b>Đường uống:</b> + Suy thận: Không phải chỉnh liều: 2g/24h. + HD: Không phải chỉnh liều (bổ sung 1g sau lọc nếu dùng thuốc trước đó). + CAPD, CRRT, SLED: ND</p> <p>- <b>Đường tiêm:</b> ND</p>	ND	<p>- <b>Đường uống:</b> Không phải chỉnh liều. - <b>Đường tiêm:</b> ND</p>																																																																																	
Tobramycin	<p>- LD: 1mg/kg - MD: liều thấp hơn cách nhau 8h hoặc liều bình thường với khoảng cách dùng thuốc kéo dài hơn.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Chức năng thận</th> <th colspan="2">Phác đồ I</th> <th colspan="2">Phác đồ II</th> </tr> <tr> <th>Liều điều chỉnh cách nhau 8h (mg)</th> <th>Liều thường với khoảng cách dùng dài hơn</th> <th></th> <th></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="2">Clcr (ml/ph)</td> <td colspan="2">Trọng lượng</td> <td colspan="2">Trọng lượng/liều</td> </tr> <tr> <td>50-60kg</td> <td>60-80kg</td> <td>50-60kg: 60mg 60-80kg: 80mg</td> <td></td> </tr> <tr> <td>&gt;70</td> <td>60</td> <td>80</td> <td>Mỗi 8h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>40-69</td> <td>30-60</td> <td>50-80</td> <td>Mỗi 12h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>20-39</td> <td>20-25</td> <td>30-45</td> <td>Mỗi 18h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>10-19</td> <td>10-18</td> <td>15-24</td> <td>Mỗi 24h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>5-9</td> <td>5-9</td> <td>7-12</td> <td>Mỗi 36h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>&lt;4</td> <td>2,5-4,5</td> <td>3,5-6</td> <td>Mỗi 48h</td> <td></td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td colspan="3">Bổ sung 50-75% liều nạp vào cuối mỗi giai đoạn lọc</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>- Đôi với các NK để doạ tính mạng: có thể sử dụng liều cao hơn 50% so với liều thông thường được khuyến cáo.</p>	Chức năng thận	Phác đồ I		Phác đồ II		Liều điều chỉnh cách nhau 8h (mg)	Liều thường với khoảng cách dùng dài hơn			Clcr (ml/ph)	Trọng lượng		Trọng lượng/liều		50-60kg	60-80kg	50-60kg: 60mg 60-80kg: 80mg		>70	60	80	Mỗi 8h		40-69	30-60	50-80	Mỗi 12h		20-39	20-25	30-45	Mỗi 18h		10-19	10-18	15-24	Mỗi 24h		5-9	5-9	7-12	Mỗi 36h		<4	2,5-4,5	3,5-6	Mỗi 48h		HD	Bổ sung 50-75% liều nạp vào cuối mỗi giai đoạn lọc				<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>&gt; 50</td> <td>1,7 - 2mg/kg/8h</td> </tr> <tr> <td>10 - 50</td> <td>1,7- 2mg/kg/12-24h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>1,7 - 2mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>HD</td> <td>1,7 - 2mg/kg/48h, bổ sung 0,85 - 1mg/kg sau lọc</td> </tr> <tr> <td>CRRT</td> <td>1,7 - 2mg/kg/ 24h</td> </tr> <tr> <td>CAPD (chỉ cho viêm phúc mạc)</td> <td>0,6mg/kg/ 24h, IP</td> </tr> </tbody> </table> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th> <th>Liều dùng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><math>\geq</math> 80</td> <td>7mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>60 - 79</td> <td>5mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>40 - 59</td> <td>4mg/kg/24h</td> </tr> <tr> <td>30 - 39</td> <td>5mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>20 - 29</td> <td>4mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>10 - 19</td> <td>3mg/kg/48h</td> </tr> <tr> <td>&lt; 10</td> <td>2,5mg/kg/48h</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Liều khởi đầu 1 mg/kg - Hiệu chỉnh liều sau bằng cách giảm liều và dùng cách nhau 8 giờ hoặc dùng liều bình thường với khoảng thời gian dài hơn. Khi ClCr <math>\leq</math> 70ml/ph hoặc khi biết giá trị SCr, lượng liều giảm có thể được xác định bằng cách nhân liều bình thường với phần trăm liều bình thường từ biểu đồ kèm theo.</p>  <p>REduced DOSAGE NOMOGRAM* Creatinine Clearance (mL/min/1.73 m<sup>2</sup>)</p> <p>*Scales have been adjusted to facilitate dosage calculations</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1,7 - 2mg/kg/8h	10 - 50	1,7- 2mg/kg/12-24h	< 10	1,7 - 2mg/kg/48h	HD	1,7 - 2mg/kg/48h, bổ sung 0,85 - 1mg/kg sau lọc	CRRT	1,7 - 2mg/kg/ 24h	CAPD (chỉ cho viêm phúc mạc)	0,6mg/kg/ 24h, IP	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	$\geq$ 80	7mg/kg/24h	60 - 79	5mg/kg/24h	40 - 59	4mg/kg/24h	30 - 39	5mg/kg/48h	20 - 29	4mg/kg/48h	10 - 19	3mg/kg/48h	< 10	2,5mg/kg/48h
Chức năng thận	Phác đồ I		Phác đồ II																																																																																		
	Liều điều chỉnh cách nhau 8h (mg)	Liều thường với khoảng cách dùng dài hơn																																																																																			
Clcr (ml/ph)	Trọng lượng		Trọng lượng/liều																																																																																		
	50-60kg	60-80kg	50-60kg: 60mg 60-80kg: 80mg																																																																																		
>70	60	80	Mỗi 8h																																																																																		
40-69	30-60	50-80	Mỗi 12h																																																																																		
20-39	20-25	30-45	Mỗi 18h																																																																																		
10-19	10-18	15-24	Mỗi 24h																																																																																		
5-9	5-9	7-12	Mỗi 36h																																																																																		
<4	2,5-4,5	3,5-6	Mỗi 48h																																																																																		
HD	Bổ sung 50-75% liều nạp vào cuối mỗi giai đoạn lọc																																																																																				
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																				
> 50	1,7 - 2mg/kg/8h																																																																																				
10 - 50	1,7- 2mg/kg/12-24h																																																																																				
< 10	1,7 - 2mg/kg/48h																																																																																				
HD	1,7 - 2mg/kg/48h, bổ sung 0,85 - 1mg/kg sau lọc																																																																																				
CRRT	1,7 - 2mg/kg/ 24h																																																																																				
CAPD (chỉ cho viêm phúc mạc)	0,6mg/kg/ 24h, IP																																																																																				
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																				
$\geq$ 80	7mg/kg/24h																																																																																				
60 - 79	5mg/kg/24h																																																																																				
40 - 59	4mg/kg/24h																																																																																				
30 - 39	5mg/kg/48h																																																																																				
20 - 29	4mg/kg/48h																																																																																				
10 - 19	3mg/kg/48h																																																																																				
< 10	2,5mg/kg/48h																																																																																				

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																																																	
Vancomycin	<p>- Có thể giảm liều hàng ngày theo chức năng thận. Tổng liều hàng ngày có thể tính bằng khoảng 15 lần tốc độ lọc cầu thận như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều vancomycin (mg/24h)</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>100</td><td>1545</td></tr> <tr><td>90</td><td>1390</td></tr> <tr><td>80</td><td>1235</td></tr> <tr><td>70</td><td>1080</td></tr> <tr><td>60</td><td>925</td></tr> <tr><td>50</td><td>770</td></tr> <tr><td>40</td><td>620</td></tr> <tr><td>30</td><td>465</td></tr> <tr><td>20</td><td>310</td></tr> <tr><td>10</td><td>155</td></tr> </tbody> </table> <p>- Có thể giữ nguyên liều dùng và nới rộng khoảng cách giữa các liều:  + ClCr 20 - 49ml/ph: Liều khởi đầu thông thường 15 - 20 mg/kg, giãn khoảng cách liều 24h.  + ClCr &lt; 20ml/ph hoặc thay thế thận: khoảng cách liều phụ thuộc vào phương pháp thay thế thận và nồng độ đáy của vancomycin trong huyết thanh.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều vancomycin (mg/24h)	100	1545	90	1390	80	1235	70	1080	60	925	50	770	40	620	30	465	20	310	10	155	<p>Bệnh viện HỮU NGHỊ ĐA KHOA</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>&gt; 100</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr> <tr><td>&gt; 50 - 100</td><td>15 - 20mg/kg/12h</td></tr> <tr><td>20 - 50</td><td>15 - 20mg/kg/24h</td></tr> <tr><td>&lt; 20</td><td>15 - 20mg/kg/48h</td></tr> <tr><td>CAPD</td><td>7,5mg/kg/48 - 96h</td></tr> <tr><td>CRRT</td><td>7,5 - 10mg/kg/12h (dịch thải 20-25ml/kg/h)</td></tr> <tr><td>SLED</td><td>LD: 20 - 25mg/kg MD: 15mg/kg sau lọc (hoặc trong 60 - 90 phút cuối phiên lọc)</td></tr> <tr><td>HD</td><td> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Màng thẩm thấp</th><th>Màng thẩm cao</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>LD: 25mg/kg MD: 7,5mg/kg sau lọc</td><td>LD: 25mg/kg MD: 10mg/kg sau lọc</td></tr> </tbody> </table> </td></tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 100	Không phải chỉnh liều	> 50 - 100	15 - 20mg/kg/12h	20 - 50	15 - 20mg/kg/24h	< 20	15 - 20mg/kg/48h	CAPD	7,5mg/kg/48 - 96h	CRRT	7,5 - 10mg/kg/12h (dịch thải 20-25ml/kg/h)	SLED	LD: 20 - 25mg/kg MD: 15mg/kg sau lọc (hoặc trong 60 - 90 phút cuối phiên lọc)	HD	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Màng thẩm thấp</th><th>Màng thẩm cao</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>LD: 25mg/kg MD: 7,5mg/kg sau lọc</td><td>LD: 25mg/kg MD: 10mg/kg sau lọc</td></tr> </tbody> </table>	Màng thẩm thấp	Màng thẩm cao	LD: 25mg/kg MD: 7,5mg/kg sau lọc	LD: 25mg/kg MD: 10mg/kg sau lọc	<p>- Khuyến cáo TDM.  - Liều nạp theo cân nặng:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Cân nặng (kg)</th><th>Liều nạp (g)</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>35 - 40</td><td>1</td></tr> <tr><td>41 - 50</td><td>1,25</td></tr> <tr><td>51 - 60</td><td>1,5</td></tr> <tr><td>61 - 70</td><td>1,75</td></tr> <tr><td>&gt; 70</td><td>2</td></tr> </tbody> </table> <p>- Liều duy trì theo mức lọc cầu thận</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>&gt; 90</td><td>1,5g/12h</td></tr> <tr><td>60 - 90</td><td>1g/12h</td></tr> <tr><td>20 - 59</td><td>1g/24h</td></tr> <tr><td>&lt; 20</td><td>1g/48h</td></tr> </tbody> </table> <p>- BN lọc máu:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lọc máu</th><th>Truyền ngắt quãng</th><th>Truyền liên tục</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>CVVH/ CVVHD/ CVVHDF</td><td>LD: 25-30mg/kg MD: 0,5-0,75g /12h</td><td>LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền, cường độ lọc và TDM.</td></tr> <tr><td>HD</td><td>LD: 25-30mg/kg MD: 7,5-10mg/kg sau lọc.</td><td>LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền và TDM.</td></tr> </tbody> </table>	Cân nặng (kg)	Liều nạp (g)	35 - 40	1	41 - 50	1,25	51 - 60	1,5	61 - 70	1,75	> 70	2	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 90	1,5g/12h	60 - 90	1g/12h	20 - 59	1g/24h	< 20	1g/48h	Lọc máu	Truyền ngắt quãng	Truyền liên tục	CVVH/ CVVHD/ CVVHDF	LD: 25-30mg/kg MD: 0,5-0,75g /12h	LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền, cường độ lọc và TDM.	HD	LD: 25-30mg/kg MD: 7,5-10mg/kg sau lọc.	LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền và TDM.	<table border="1"> <thead> <tr> <th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều vancomycin (mg/24h)</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>100</td><td>1545</td></tr> <tr><td>90</td><td>1390</td></tr> <tr><td>80</td><td>1235</td></tr> <tr><td>70</td><td>1080</td></tr> <tr><td>60</td><td>925</td></tr> <tr><td>50</td><td>770</td></tr> <tr><td>40</td><td>620</td></tr> <tr><td>30</td><td>465</td></tr> <tr><td>20</td><td>310</td></tr> <tr><td>10</td><td>155</td></tr> </tbody> </table>	ClCr (ml/ph)	Liều vancomycin (mg/24h)	100	1545	90	1390	80	1235	70	1080	60	925	50	770	40	620	30	465	20	310	10	155
ClCr (ml/ph)	Liều vancomycin (mg/24h)																																																																																																				
100	1545																																																																																																				
90	1390																																																																																																				
80	1235																																																																																																				
70	1080																																																																																																				
60	925																																																																																																				
50	770																																																																																																				
40	620																																																																																																				
30	465																																																																																																				
20	310																																																																																																				
10	155																																																																																																				
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																				
> 100	Không phải chỉnh liều																																																																																																				
> 50 - 100	15 - 20mg/kg/12h																																																																																																				
20 - 50	15 - 20mg/kg/24h																																																																																																				
< 20	15 - 20mg/kg/48h																																																																																																				
CAPD	7,5mg/kg/48 - 96h																																																																																																				
CRRT	7,5 - 10mg/kg/12h (dịch thải 20-25ml/kg/h)																																																																																																				
SLED	LD: 20 - 25mg/kg MD: 15mg/kg sau lọc (hoặc trong 60 - 90 phút cuối phiên lọc)																																																																																																				
HD	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Màng thẩm thấp</th><th>Màng thẩm cao</th></tr> </thead> <tbody> <tr><td>LD: 25mg/kg MD: 7,5mg/kg sau lọc</td><td>LD: 25mg/kg MD: 10mg/kg sau lọc</td></tr> </tbody> </table>	Màng thẩm thấp	Màng thẩm cao	LD: 25mg/kg MD: 7,5mg/kg sau lọc	LD: 25mg/kg MD: 10mg/kg sau lọc																																																																																																
Màng thẩm thấp	Màng thẩm cao																																																																																																				
LD: 25mg/kg MD: 7,5mg/kg sau lọc	LD: 25mg/kg MD: 10mg/kg sau lọc																																																																																																				
Cân nặng (kg)	Liều nạp (g)																																																																																																				
35 - 40	1																																																																																																				
41 - 50	1,25																																																																																																				
51 - 60	1,5																																																																																																				
61 - 70	1,75																																																																																																				
> 70	2																																																																																																				
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																				
> 90	1,5g/12h																																																																																																				
60 - 90	1g/12h																																																																																																				
20 - 59	1g/24h																																																																																																				
< 20	1g/48h																																																																																																				
Lọc máu	Truyền ngắt quãng	Truyền liên tục																																																																																																			
CVVH/ CVVHD/ CVVHDF	LD: 25-30mg/kg MD: 0,5-0,75g /12h	LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền, cường độ lọc và TDM.																																																																																																			
HD	LD: 25-30mg/kg MD: 7,5-10mg/kg sau lọc.	LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền và TDM.																																																																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều vancomycin (mg/24h)																																																																																																				
100	1545																																																																																																				
90	1390																																																																																																				
80	1235																																																																																																				
70	1080																																																																																																				
60	925																																																																																																				
50	770																																																																																																				
40	620																																																																																																				
30	465																																																																																																				
20	310																																																																																																				
10	155																																																																																																				

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022			Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																		
Voriconazol	ClCr (ml/ph)	Đường uống		Đường tiêm	ClCr (ml/ph)	Đường uống	Đường tiêm	ClCr (ml/ph)	Liều dùng															
	$\geq 50$	$\geq 40\text{kg}$	$<40\text{kg}$	LD: 6mg/kg/12h x 2 liều; MD: 4mg/kg/12h	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhiễm trùng</th> <th>LD</th> <th>MD</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhiễm Aspergillus xâm lấn</td> <td>6mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO</td> <td>4mg/kg/12h, IV</td> </tr> <tr> <td>Nhiễm Candida nghiêm trọng</td> <td>6mg/kg/12h, IV x 2 liều</td> <td>3-4mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO</td> </tr> <tr> <td>Nhiễm Candida thực quản</td> <td>-</td> <td>200mg/12h, PO</td> </tr> <tr> <td>Nhiễm nấm cơ hội</td> <td>6mg/kg/12h, IV x 2 liều</td> <td>4mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO</td> </tr> </tbody> </table>	Nhiễm trùng	LD	MD	Nhiễm Aspergillus xâm lấn	6mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO	4mg/kg/12h, IV	Nhiễm Candida nghiêm trọng	6mg/kg/12h, IV x 2 liều	3-4mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO	Nhiễm Candida thực quản	-	200mg/12h, PO	Nhiễm nấm cơ hội	6mg/kg/12h, IV x 2 liều	4mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO	$\geq 50$	$\geq 40\text{kg}$	$<40\text{kg}$	LD: 6mg/kg/12h x 2 liều; MD: 4mg/kg/12h
Nhiễm trùng	LD	MD																						
Nhiễm Aspergillus xâm lấn	6mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO	4mg/kg/12h, IV																						
Nhiễm Candida nghiêm trọng	6mg/kg/12h, IV x 2 liều	3-4mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO																						
Nhiễm Candida thực quản	-	200mg/12h, PO																						
Nhiễm nấm cơ hội	6mg/kg/12h, IV x 2 liều	4mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO																						
LD: 400mg/12h x 2 liều; MD: 200mg/12h	LD: 200mg/12h x 2 liều; MD: 100mg/12h																							
$< 50$	Không phải chỉnh liều		Nên chuyển sang đường uống	<p>- BN suy thận, HD, CAPD, CRRT: không phải chỉnh liều.</p> <p>- Tránh sử dụng đường tĩnh mạch nếu ClCr &lt; 50ml/ph.</p>	< 50	Không phải chỉnh liều		Chuyển uống hoặc dùng thuốc																
HD	Không phải chỉnh liều					Không phải chỉnh liều		Không dùng đường tĩnh mạch khi ClCr < 50 ml/ph																
								Không phải chỉnh liều																

Bệnh viện  
HỮU NGHỊ DÀ KHÓA

## Colistin

### ➤ Đồng thuận colistin 2019 của ACCP/IDSA/ISAP/SCCM/SIDP

Khuyến cáo sử dụng liều để đạt được nồng độ trạng thái hằng định trung bình mục tiêu Css là 2 mg/l

LD: 300mg colistin base (CBA) tương đương colistimethate (CMS) 9 MUI truyền trong 0,5 - 1 giờ

MD: điều chỉnh theo độ thanh thải creatinin

ClCr (ml/ph)	Liều colistin tính theo CBA (mg/ngày)	Liều colistin tính theo CMS tương đương (MUI/ngày)
0	130	3,95
5 - < 10	145	4,40
10 - < 20	160	4,85
20 - < 30	175	5,30
30 - < 40	195	5,90
40 - < 50	220	6,65
50 - < 60	245	7,40
60 - < 70	275	8,35
70 - < 80	300	9,00
80 - < 90	340	10,3
≥ 90	360	10,9

- HD: Vào ngày không lọc, dùng liều 130mg CBA/ngày (tương đương 3,95MUI/ngày). Bổ sung 40mg CBA hoặc 50mg CBA (tương đương 1,2MUI hoặc 1,6MUI CMS) cho mỗi phiên lọc 3 hoặc 4 giờ, liều hàng ngày còn lại nên cho sau lọc.

- SLED: thêm 10% liều vào liều cơ bản hàng ngày trong mỗi giờ chạy SLED.

- CRRT: 220mg CBA (tương đương 6,65MUI)/12h.

### ➤ Hướng dẫn sử dụng colistin tại Bệnh viện Bạch Mai:

- LD: tính theo cân nặng, tối đa 9MUI (kể cả BN suy thận, lọc máu).

- MD: tính theo mức lọc cầu thận, sử dụng sau liều nạp 8 - 12 giờ phụ thuộc vào khoảng cách đưa liều duy trì.

- Tổng liều thuốc trong 24 giờ không quá 12MUI và được chia 2 - 3 lần theo chỉ định của bác sĩ điều trị.

Liều dùng tham khảo các chế độ sau:

Cân nặng (kg)	Liều nạp	ClCr (ml/ph)	Liều duy trì
<b>NK do VK Gram âm kháng thuốc có MIC với colistin cao (&gt; 0,38 - 1 mg/l)</b>			
≤ 30	4 MUI	≤ 30	2 MUI/12h
> 30 - 40	5 MUI	> 30 - 50	3 MUI/12h
> 40 - 50	6 MUI	> 50 - 80	4 MUI/12h

Cân nặng (kg)	Liều nạp	ClCr (ml/ph)	Liều duy trì
> 50 - 60	7 MUI	> 80 - 130	3 MUI/8h
> 60 - 70	8 MUI	> 130	4 MUI/8h
> 70	9 MUI	HD	2 MUI/12h, bổ sung 1 MUI sau lọc
		CRRT	3 - 4 MUI/8h
<b>NK do VK Gram âm kháng thuốc có MIC với colistin ≤ 0,38 mg/l</b>			
≤ 40	2 MUI	≤ 25	1 MUI/12h
> 40 - 50	3 MUI	> 25 - 50	1 MUI/8h
> 50 - 70	4 MUI	> 50 - 70	2 MUI/12h
		> 70	2 MUI/8h
> 70	5 MUI	HD	2 MUI/12h, bổ sung 1 MUI sau lọc
		CRRT	3 - 4 MUI/8h



## **DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

**APD:** thẩm phân phúc mạc chu kì

**BN:** bệnh nhân

**CAPD:** thẩm phân phúc mạc liên tục ngoại trú

**cIAI:** nhiễm khuẩn ổ bụng có biến chứng

**CICr:** độ thanh thải creatinin

**CRRT:** liệu pháp thay thế thận liên tục

**cUTI:** nhiễm khuẩn tiết niệu có biến chứng

**CVVH:** lọc máu liên tục tĩnh mạch - tĩnh mạch

**CVVHD:** thẩm tách máu liên tục tĩnh mạch - tĩnh mạch

**CVVHDF:** lọc máu thẩm tách liên tục tĩnh mạch - tĩnh mạch

**GFR:** tốc độ lọc cầu thận

**HAP:** viêm phổi bệnh viện

**HD:** chạy thận nhân tạo chu kì

**IAI:** nhiễm khuẩn ổ bụng

**IM:** tiêm bắp

**IP:** tiêm phúc mạc

**IV:** đường tĩnh mạch

**LD:** liều nạp

**MD:** liều duy trì

**ND:** không có dữ liệu

**NK:** nhiễm khuẩn

**Non-XR:** không phải dạng giải phóng kéo dài

**PD:** thẩm phân phúc mạc

**PO:** đường uống

**Qd:** lưu lượng dịch thẩm tách

**SCr:** nồng độ creatinin huyết thanh

**SLED:** lọc máu thẩm tách lưu lượng thấp kéo dài

**TDM:** theo dõi nồng độ thuốc trong máu

**UTI:** nhiễm khuẩn tiết niệu

**VAP:** viêm phổi thở máy

**VK:** vi khuẩn

